



Bảng Ghi Điểm Thi Lại - Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
Thí lại

R 25/7/2012

Bệnh truyền nhiễm chung (203518) và gia cầm

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	L	3	Ba	nguy	
2	05212504	TRẦN THANH CHUNG	TC05TYLA	L	5	Năm	Chung	
3	06212254	PHẠM NGỌC CHUÔNG	TC06TY	L	6	Sáu	Chuông	
4	06212180	NGUYỄN VĂN LÂM	TC06TY	L	5	Năm	Lâm	
5	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY	L	5	Năm	Thiên	
6	06212221	ĐÀO THỊ THÚY	TC06TY	L	6	Sáu	Thúy	
7	06212237	PHẠM THỊ DIỄM	TC06TY	L	5	Năm	Diễm	

In Ngày 07/06/12

TS: 07/6/12

TP.HCM, Ngày 07 tháng 06 năm 2012
Cán bộ chấm thi

07/6/2012

CBCT 1 Phan Xuân phân

CBCT 2 Phan Xuân phân

Ng. A. Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Lịch sử Đà Nẵng CSVN (900104)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	07213111	NGÔ HOÀI BẢO	TC07NH	/	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07213007	VÕ CHÍ CÔNG	TC07NH	/	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL	/	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH	/	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07213021	LÊ TẤN ANH	TC07NH	/	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÂN	TC06TYCT	/	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07224145	NGUYỄN DUY NGHI	TC07QLBN	/	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08125347	ĐẶNG THỊ BÍCH OANH	DH08BQGL	/	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06224091	NGUYỄN ĐỨC THỦ	TC06QLQ9	5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9	/	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần Khắc
Quang TS. Võ Thị Hồng TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/6/12

Môn Học : Lịch sử Đảng CSVN (900104)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213111	NGÔ HOÀI BẢO	TC07NH	<i>Bảo</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07213007	VÕ CHÍ CÔNG	TC07NH	<i>Chi</i>	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL	<i>Hải</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH	<i>Khôi</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07213021	LÊ TẤN ANH	TC07NH	<i>Anh</i>	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT		✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07224145	NGUYỄN DUY NGHI	TC07QLBN		✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08125347	ĐẶNG THỊ BÍCH OANH	DH08BQGL		✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06224091	NGUYỄN ĐỨC THỦ	TC06QLQ9		✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9		✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 5 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Tâm

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

Mẫu IN D2106



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Bảng Ghi Điểm Thi Lại - Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
Thi lại

Bệnh truyền nhiễm chung (203518)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chức	Tên lớp	Bình điểm định kỳ	Bình điểm định kỳ	Điểm thi lại	Ký tên	Ghi chú
1	06212257	NGUYỄN HỮU	CHÍ	TC06TY	3		3	<i>[Signature]</i>	
2	05212504	TRẦN THANH	CHUNG	TC05TYLA	7	2	5	<i>[Signature]</i>	
3	06212254	PHẠM NGỌC	CHƯƠNG	TC06TY	6		6	<i>[Signature]</i>	
4	06212180	NGUYỄN VĂN	LÂM	TC06TY	5	5	5	<i>[Signature]</i>	
5	06212216	HÀ MINH	THIỆN	TC06TY	5		5	<i>[Signature]</i>	
6	06212221	ĐÀO THỊ	THÚY	TC06TY	6		6	<i>[Signature]</i>	
7	06212237	PHẠM THỊ DIỄM	TUYÊN	TC06TY	5	5	5	<i>[Signature]</i>	

In Ngày 07/06/12

07/6/2012

CBU 1 *[Signature]* *[Signature]* *[Signature]*
CBU 2 *[Signature]* *[Signature]* *[Signature]*

TP.HCM, Ngày 07 tháng 06 năm 2012
Cán bộ chấm thi

[Signature]
[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bệnh truyền nhiễm gia cầm (203528)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	05212504	TRẦN THANH CHUNG	TC05TYLA			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06212180	NGUYỄN VĂN LÂM	TC06TY		5	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY			4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06212237	PHẠM THỊ DIỄM	TC06TY		5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

THI LẠI

Môn Học : Bệnh TN chung & gia cầm (903518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	05212289	LÊ THANH VẤN	TC05TYDT		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
98	06212118	TRẦN QUỐC VIỆT	TC06TYCT		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
99	03212654	NGÔ QUANG VINH	TC03TYPY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
100	05212798	HÀ HUY VŨ	TC05TYTN		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
101	04212472	HOÀNG VŨ	TC04TY		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
102	05212292	NGUYỄN THANH XUYỀN	TC05TYDT		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
103	05212084	TRẦN THỊ THẢO YẾN	TC05TYVL		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

TNC : 12
GC : 17

Phạm Xuân phần
Phạm Xuân phần

Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

THI LẠI

Môn Học : Bệnh TN chung & gia cầm (903518)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	06212359	NGUYỄN HỮU PHÚC	TC06TYVL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	07112188	TRẦN THỊ ÁI	PHƯƠNG	DH07TY	6	2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	03212708	TRẦN VĂN QUÍ	TC03TYST		2	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	06112108	TRẦN HÙNG	QUỐC	DH06TY	5	4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	07112195	NGUYỄN MINH QUÝ	DH07TY		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	06112112	NGUYỄN THẾ SANG	DH06TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	03212710	THÁI MINH SĨ	TC03TYST		6	7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	05212176	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	TC05TYCT		4	8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	06212103	TRẦN THANH SƠN	TC06TYCT		5	9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	05212774	DƯƠNG THẾ SỰ	TC05TYTN		3	10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	05212458	TRẦN MINH TÀI	TC05TY		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	06212213	PHAN VĂN TÂM	TC06TY		4	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	04212692	PHẠM MINH TẤN	TC04TYVL		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	05212542	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THANH	TC05TYLA		5	14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT		5	15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	06212326	NGUYỄN TRƯƠNG HỒNG THẨM	TC06TYVL		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	07142081	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH07DY		5	17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	06212327	NGUYỄN VĂN THẮNG	TC06TYVL		6	18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	05212669	NGUYỄN VĂN THIÊN	TC05TYTG		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	07112235	PHAN THỊ MINH THƠ	DH07TY		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	05212271	ĐỒNG VĂN THUẬN	TC05TYDT		5	21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	04212713	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	TC04TYVL		4	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	05212276	NGUYỄN QUỐC TRÂM	TC05TYDT		23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	06212111	LÊ QUỐC TRI	TC06TYCT		2	24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	06212112	ĐÀO MINH TRÍ	TC06TYCT		01	25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	05212277	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	TC05TYDT		26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	05212550	NGUYỄN THÀNH TRÍ	TC05TYLA		5	27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	06212114	HUỲNH TÚ TRINH	TC06TYCT		28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	06112156	NGUYỄN THÀNH TUẤN	DH06TY		29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	04212411	ĐINH VĂN TÚC	TC04TY		30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	06212226	PHẠM TẤN TÙNG	TC06TY		31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	05212287	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	TC05TYDT		32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 07 tháng 6... năm 12

TNC : 12
GC : 17

phạm Xuân phước

Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

THI LẠI

Môn Học :

Bệnh TN chung & gia cầm (903518) *Chung G. Cầm*

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06212172	NGUYỄN HỮU HOÀN	TC06TY	<i>Hoàn</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	05212234	HỒ THANH HOÀNG	TC05TYDT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	07142025	NGUYỄN ANH HOÀNG	DH07DY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	05212138	LÊ THÀNH HON	TC05TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	06212071	NGUYỄN BÙI THẾ HUY	TC06TYCT	<i>Thế Huy</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT	<i>Huy</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	05212142	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG	TC05TYCT	<i>Mỹ Hương</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	07112108	NGUYỄN TUẤN KHANH	DH07TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	07112112	PHẠM ĐĂNG KHÊ	DH07TY	<i>Đặng Khê</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	05212149	NGUYỄN PHẠM TRUNG KHOA	TC05TYCT	<i>Trung Khoa</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	06212080	HUỲNH GIANG LAM	TC06TYCT	<i>Giang Lam</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	05212746	BÙI PHI LONG	TC05TYTN	<i>Phi Long</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Tấn Lộc</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Tấn Lộc</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	05212439	PHẠM HOÀNG MINH LỘC	TC05TY	<i>Hoàng Minh Lộc</i>	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	05212298	TRƯƠNG PHƯỚC LỢI	TC05TYDT	<i>Phước Lợi</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	06212315	VÕ QUỐC LUẬN	TC06TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT	<i>Thanh Ly</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT	<i>Công Lý</i>	04	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	06212317	LÊ ĐỖ MINH	TC06TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	06212316	TRẦN VĂN MỘNG	TC06TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	03212540	KIM HOÀI NAM	TC03TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	06212354	HUỲNH YÊN NGÂN	TC06TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	06212318	ĐINH THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYVL	<i>Như Ngọc</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	06212094	NGÔ THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYCT	<i>Như Ngọc</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	05212753	NGUYỄN THẾ NGỌC	TC05TYTN	<i>Thế Ngọc</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	05212251	BÙI VĂN NGỌT	TC05TYDT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	06212095	BÙI HOÀNG NHẬT	TC06TYCT	<i>Hoàng Nhật</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	06212200	HUỲNH CẨM NHUNG	TC06TY	<i>Cẩm Nhung</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	06212358	NGUYỄN THẾ PHÚC	TC06TYVL	<i>Thế Phúc</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	06212099	NGUYỄN TRÍ PHÚC	TC06TYCT	<i>Trí Phúc</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	07142060	PHẠM HỒNG PHÚC	DH07DY	<i>Hồng Phúc</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

22 + 30

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 06 năm 2022

Phạm Lê Mỹ Dung
Lê Vĩnh Linh

Phạm Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

25/7/2012

Môn Học :

Bệnh TN chung & gia cầm (903518)

Chung / G. Cầm

STT	Mã SV	Họ Và Tên	AN	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG	AN	TC05TYCT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212301	PHẠM TUẤN	ANH	TC05TYVL	em	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	05212493	TRẦN THẾ	ANH	TC05TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	03212013	NGÔ THỊ THÙY	BẠCH	TC03TY		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212304	ĐẶNG HOÀNG	BẢO	TC05TYVL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	05212212	HỒ THANH	BẮN	TC05TYDT		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07112008	NGUYỄN VĂN	BÌNH	DH07TY	quy	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07112009	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	DH07TY	ph	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07112010	NGUYỄN VÕ	BÌNH	DH07TY	ph	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	05212603	TRÌNH HUY	BÌNH	TC05TYTG		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06212065	TRẦN THỊ KIM	CHI	TC05TYCT		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	05212405	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	TC05TY	ph	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07112016	ĐỖ THÀNH	CHUNG	DH07TY		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06212305	NGÔ VĂN QUỐC	CÔNG	TC05TYVL		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07112022	LÊ QUỐC	CƯỜNG	DH07TY	ph	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07142010	VÒNG THỊ THÙY	DUNG	DH07DY		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	05212307	TRẦN ĐÌNH	DUY	TC05TYBD	Duy	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	07112037	TRẦN NGUYỄN BẢO	ĐAN	DH07TY		18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	05212224	NGUYỄN QUANG	ĐIỀN	TC05TYDT		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	05212718	VÕ TRỌNG	ĐIỀN	TC05TYTN	ph	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07112047	PHÙNG MINH	ĐỨC	DH07TY		21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06212308	CAO TRƯỜNG	GIANG	TC05TYVL	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	03212691	HUỖNH VĂN	HẬU	TC03TYST	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06142027	PHẠM THANH	HẬU	DH07DY	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	06212166	HÀ CÔNG	HIỀN	TC05TY	ph	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	04212219	NGUYỄN VŨ THANH	HIỀN	TC04TYBP	ph	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	06212068	TRANG HƯƠNG	HIẾU	TC05TYCT	ph	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07112079	VŨ TRÍ	HIẾU	DH07TY	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	05212231	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	TC05TYDT		29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06212171	LÊ CÔNG	HÒA	TC05TY	ph	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	05212295	NGUYỄN THÁI	HÒA	TC05TYDT	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	05212233	NGUYỄN VĂN	HOÀI	TC05TYDT	ph	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

ph
Lê Mỹ Dung
Lê Vĩnh Linh

ph
Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

215-79- R306

Môn Học : Chuyên đề hệ thống thông tin (214481)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m vào ng trò n cho điểm nguyên
* 1	07130002	ĐINH NGỌC ANH	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06130127	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06130257	VÕ THỊ HÀ	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06130024	HỒ DOÃN PHƯƠNG	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06230109	NGUYỄN THANH HẢI	TC06DT			5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06230111	HOÀNG ĐÌNH HỘI	TC06DT	<i>[Signature]</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07130078	LÊ TRẦN NAM	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06130064	HỒ QUỐC PHƯƠNG	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07130102	CAO VĂN QUÝ	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	7	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 08 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6...tháng 6... năm 2012

[Signature] N.T.V. Trần
[Signature] Đỗ Chí Yên

[Signature]

[Signature] Lê Phi Hùng

215-79- R306

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Cơ sở dữ liệu nông nghiệp cao (914407) ⇒ 211-618A

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và tổng tròn cho điểm nguyên
1	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

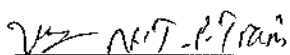
Số bài: 01 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6 tháng 6 năm 2012









DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 24/17/2012

Môn Học : Dị nh giá dấ t đại (909704)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m vào ng trờ n cho điể m nguyên
1	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	05124131	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	DH07QL	<i>[Signature]</i>	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

[Signature] Huỳnh Thanh Thiên

[Signature] Trần Văn Hải

ThS. Bùi Văn Hải

[Signature] Trần Văn Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Kinh tế quốc tế (908115)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	05222086	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	TC05QTTD		1	V 0 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06222273	ĐỖ THANH QUỲNH	TC06QTDN		1	V 0 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06222287	HÀ VĂN THAO	TC06QTDN		1	V 0 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN		2	V 0 1 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4 Số tờ: 4 (Số) Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 8 tháng 5 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ điều u hà nh nâ ng cao (214251)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	04230245	LÊ DUY KHÁNH	TC04DTCM	<i>[Signature]</i>	1.0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07130066	NGUYỄN NGỌC LĨNH	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	5.0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06130157	VÕ CÔNG LỰC	DH07DTM	<i>[Signature]</i>	5.0	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 05 năm 2012

[Signature]
N.T.P.T. Phan

[Signature]

[Signature]
Phan Vĩnh Thuận

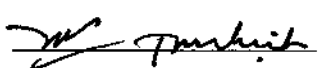
DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ điều hành 2 (914204)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07329080	HUỖNH THẠCH NGHĨA	CD07TH		1	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2					2	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3					3	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4					4	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5					5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6					6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7					7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8					8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9					9	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10					10	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11					11	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12					12	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13					13	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14					14	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15					15	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16					16	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17					17	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18					18	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19					19	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20					20	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21					21	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22					22	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23					23	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24					24	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25					25	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26					26	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27					27	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28					28	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29					29	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30					30	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31					31	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32					32	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....


N.T.P. Trâm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (214451)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ĐĂNG	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	06230106	TRẦN HẢI	ĐĂNG	TC06DT	<i>[Signature]</i>	6.0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06230121	LÊ TUẤN	PHI	TC06DT	<i>[Signature]</i>	5.0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07130102	CAO VĂN	QUÝ	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	0.0	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4							4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5							5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6							6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7							7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8							8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9							9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 05 năm 12

[Signature]
Nguyễn Thị Phương
Nguyễn Thị Phương
Nguyễn Thị Phương

[Signature]
Mai Anh Thảo

[Signature]
Phạm Văn Minh Thủy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ thể học so sánh (903302)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Điện	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	05212003	TẶNG THÀNH	ĐIỆN	TC05TYVL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	TC07TY	<i>Mỹ</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212092	NGUYỄN THÀNH	DUY	TC07TY	<i>Thành</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	03212545	BÙI HỮU	NGHỊ	TC03TYCT		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07212052	NGUYỄN KHƯƠNG	NINH	TC07TY	<i>Ninh</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07212104	NGUYỄN VĂN	NỘI	TC07TY	<i>Văn</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07212081	HUỖNH NGỌC	VINH	TC07TY	<i>Vinh</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 5, Số tờ: 5, Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 5 năm 2012

Phạm Tiến Dũng

Đoàn Văn Thái

Phạm Quang

6/5 2012 R.D. 2012



Mã nhận dạng 00374

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ô tô sử dụng năng lượng mới (907726)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07154012	LÊ ĐÌNH HÀ	DH070T	<i>[Signature]</i>	2.0	1 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 5 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature] Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : BQ và CB trừ ng sử a (910330)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Hiệu	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên												
1	07148047	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	DH07DD		7.01	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
						1.5	2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							4	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							6	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							7	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							8	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							9	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							10	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							11	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							12	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							13	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							14	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							15	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							16	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							17	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							18	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							19	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							20	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							21	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							22	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							23	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							24	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							25	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							26	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							27	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							28	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							29	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							30	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							31	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
							32	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trường Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 01 tháng 06 năm 2012

Phạm T. T. Bình
Nguyễn Văn Miên
PGS.TS. BÙI VĂN MIÊN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cơ sở dữ liệu (909307)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng trở n cho điểm nguyên
1	07224216	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	TC07QL	<i>[Signature]</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLQL	<i>[Signature]</i>		2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07224234	VŨ TAM	TC07QL	<i>[Signature]</i>	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07224236	BÙI VƯƠNG GIANG	TC07QL	<i>[Signature]</i>	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07224145	NGUYỄN DUY	TC07QLBN	<i>[Signature]</i>		5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07224254	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TC07QL	<i>[Signature]</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05224528	TRẦN HUYỀN	TC06QL	<i>[Signature]</i>	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 5 năm 2022

[Signature]
Nguyễn Thị Nhã Trúc
[Signature]
Huỳnh Thị Dung

[Signature]
Nguyễn Thị Dung

[Signature]
Bà Trần Ái Nhi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH ĐÀO	TC08CNNX	✓		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08212071	PHẠM THANH LIÊM	TC08TY	✓		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Ngọc Ngọc

Ngọc Ngọc Ngọc

phần (bình) chỉ phần

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH ĐÀO	TC08CNNX	V		1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08212071	PHẠM THANH LIÊM	TC08TY	V		2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 17 tháng 4 năm 2012

Minh Bùi Ngọc Thuỷ
Phạm Thị Phan

S/5 12/15 7927



Mã nhận dạng 00348

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Vì sinh chăn nuôi M (903506)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06211049	NGUYỄN TRÍ	KỲ	TC06CNBR	6	1
2	06211026	LÊ QUANG	THANH	TC06CNBR	5	2
					3	
					4	
					5	
					6	
					7	
					8	
					9	
					10	
					11	
					12	
					13	
					14	
					15	
					16	
					17	
					18	
					19	
					20	
					21	
					22	
					23	
					24	
					25	
					26	
					27	
					28	
					29	
					30	
					31	
					32	

Số bài: 36.2 Số tờ: 36.2 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 06 năm 2012

Nguyễn Ng. Thanh Xuân

NTAL

NTAL Ng. Ngọc Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Xã hội học (902621)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn n cho điểm nguyên
1	08213057	PHẠM THANH DŨNG	TC07LNCM	<i>[Signature]</i>	4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH	<i>[Signature]</i>	4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212046	HÀ THỊ MINH	TC07TY		3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07212106	VŨ TRƯỜNG PHONG	TC07TY	<i>[Signature]</i>	4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07224061	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	TC07QLBN		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06223418	VŨ THỊ QUYÊN	TC06KEDN		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08213056	TRƯƠNG VĂN THƯỚC	TC07LNCM	<i>[Signature]</i>	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9		8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06224243	VŨ THANH XUÂN	TC06QLBT	<i>[Signature]</i>	4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Xã hội học đại cương (202621)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL	<i>[Signature]</i>	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08222220	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	TC08QTDN	<i>[Signature]</i>	4	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08222229	HUỖNH THỊ NGỌC HẠNH	TC08QTDN	<i>[Signature]</i>	4	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08222230	NGUYỄN THỊ HOÀNG HẠNH	TC08QTDN	<i>[Signature]</i>	4	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL	<i>[Signature]</i>	4	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08222316	ĐÀO BÁ HOÀNG	TC08QTĐD	<i>[Signature]</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08222240	LÊ THỊ HUỆ	TC08QTDN	<i>[Signature]</i>	3	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08213030	PHẠM THỊ THẢO	TC08NH	<i>[Signature]</i>	3	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08223301	TRẦN QUỐC THỐNG	TC08KELG	<i>[Signature]</i>		9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08222281	NGUYỄN MỸ THANH	TC08QTDN	<i>[Signature]</i>	4	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 06

Số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 03 năm 2012

[Signature]

[Signature]

Võ Văn Việt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Chuyên đề WEB (214374)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07130001	TRẦN VĂN AN	DH07DTM			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 2	07130002	ĐINH NGỌC ANH	DH07DTH	Anh	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07130018	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06130127	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 6	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	DH07DTM	Đình	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06130257	VÕ THỊ HÀ	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06130024	HỒ ĐOÀN PHƯƠNG HẢI	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07130031	NGUYỄN HỮU HẬU	DH07DTM			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07130033	TRƯƠNG PHÚC HẬU	DH07DTM			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07130042	NGUYỄN MẠNH HOÀN	DH07DTM			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06130037	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07130057	PHAN TRỌNG KHIÊM	DH07DTM			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07130151	DƯƠNG THỊ MỸ LINH	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07130066	NGUYỄN NGỌC LĨNH	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 16	06130157	VÕ CÔNG LỰC	DH07DTM	Lực	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 17	06130049	NGUYỄN THỊ HẠNH MAI	DH07DTH	Hanh	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06130064	HỒ QUỐC PHƯƠNG	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	06130175	NGUYỄN VINH QUANG	DH07DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 20	07130102	CAO VĂN QUÝ	DH07DTH	Quý	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
x 21	07130105	NGUYỄN HỮU SÁNG	DH07DTH	Sang	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06130080	NGUYỄN ĐỨC TRUNG TÍN	DH06DTH			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 30 tháng 05 năm 12

Le Văn Phan
Vũ Tân Linh

Phu

Phan
Le Văn Phan

26/4-7g00- IM1.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Lập trình cơ bản (214321)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngoặc n cho điểm nguyên
1	06230106	TRẦN HẢI ĐĂNG	TC0601			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 04 năm 2012

[Signature]
[Signature]

[Signature] NTTH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Lập trình A1 (914341)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	04230106	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	TC04DTBN	3,0	1
						2
						3
						4
						5
						6
						7
						8
						9
						10
						11
						12
						13
						14
						15
						16
						17
						18
						19
						20
						21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Số bài: 01

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 04 năm 2012

[Signature]
NTM:

[Signature] NTM:

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Cây CNNN 2 (Đ. Nhà + Phụ ng) (204514)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	06113187	ĐINH THANH LAM	DH06NHGL	<i>Lam</i>	7,0	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Thuý Liên
Nguyễn Thị Huyền Trang

[Signature]

[Signature]
Lê Quý Hùng Trần Văn Kiệt

9/5 3430 27337



Mã nhận dạng 00360

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống canh tác M (904501)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Khối	Lớp	Ký tên	Điểm m	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213079	HUỖNH TRỌNG	KHÔI	TC07NH	<i>[Signature]</i>	5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

[Signature] Ngô T Minh & h
[Signature] Ngô T Huyền Trang

[Signature]

[Signature] Trần Văn Lợi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống canh tác (204502)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên
1	08213001	LÊ THẾ BẢO	TC08NH		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213052	LÊ VĂN CƯỜNG	TC08NH		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06213016	NGUYỄN THÁI HỌC	TC06NHCC		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08213015	VŨ DUY HƯNG	TC08NH		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Minh Bé
Trang Nguyễn Trang

2/5 1/15 40204

Mã nhận dạng 00400

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Quản trị Marketing (908431)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn n cho điểm nguyên												
1	06222249	NGUYỄN MINH MÃN	TC06QTDN			1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN		2		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					3		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					4		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					5		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					6		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					7		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					8		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					9		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					10		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					11		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					12		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					13		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					14		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					15		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					16		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					17		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					18		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					19		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					20		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					21		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					22		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					23		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					24		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					25		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					26		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					27		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					28		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					29		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					30		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					31		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
					32		V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Đinh Minh Kỳ

ThS. Trần Đình Lý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Di truyền học đại cương (203203)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	04213089	LÊ VĂN CÔNG	TC04NHXB		1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08212016	NGUYỄN NGỌC HÙNG	TC08TY		2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08211032	ĐẶNG THỊ OANH	TC08CNXX		3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08212059	PHẠM THANH TOÀN	TC08TY		4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm 2012

Đường Tiểu Mai TS. Trần Văn Chính TS. Võ Hải Sơn TS. Bùi Thị Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Di truyền học đại cương (203203)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	04213089	LÊ VĂN CÔNG	TC08NHXX		1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	08212016	NGUYỄN NGỌC HÙNG	TC08TY		2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	08211032	ĐẶNG THỊ ĐANH	TC08CNXX		3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	08212059	PHẠM THANH TOÀN	TC08TY		4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5					5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6					6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7					7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8					8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9					9	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10					10	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11					11	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12					12	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13					13	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14					14	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15					15	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16					16	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17					17	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18					18	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19					19	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20					20	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21					21	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22					22	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23					23	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24					24	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25					25	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26					26	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27					27	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28					28	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29					29	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30					30	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31					31	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32					32	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm 2012

Nguyễn Văn Ngọc Yến
TS. Trần Văn Chính
TS. Võ Thị Nguyệt
Thị Sơn Thị Tuấn

13/5/2012 H 0301

Mã nhận dạng 00426

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phụ gia thực phẩm (910209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07125091	DƯƠNG QUỐC HƯNG	DH07BQ		✓	1
2	06125104	HÀ THỊ MAI	DH06BQ		✓	2
3						3
4						4
5						5
6						6
7						7
8						8
9						9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Thị Thủy
Nguyễn Thị Tý Na

Phạm Tài Hòa
Nguyễn Thị Tý Na

4/5 2012 10/10/2012



Mã nhận dạng 00426

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phụ gia thực phẩm (910209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07125091	DƯƠNG QUỐC HƯNG	DH07BQ	Hưng	5,01	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06125104	HÀ THỊ MAI NGUYỆT	DH06BQ	HL	6,02	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2: Trương Thị Băng Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phan Tài Hòa Cán bộ chấm thi 1&2: Ngô Thị Ty Na Ngày 24 tháng 05 năm 2012

Ngô Thị Ty Na

05 kum ngày 11b.

Mã nhận dạng 00200

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thổ ng kê lã m nghiệ p (205308)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trò n cho điể m nguyên
1	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06147088	LÊ THẾ VINH	DH07QR			2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 15 tháng 5 năm 2012

Ths. Nguyễn Minh Cảnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế (908231)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
1	08123262	CÙ MINH	ĐẠT	DH08KEGL		1	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											</

Không có sv thi

Số bài: 55 Số tờ: 55 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Thị Lê Hồng
Nguyễn Mĩ Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngoại khoa thú y (903307)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trồ n cho điể m nguyên
1	06212305	NGÔ VĂN QUỐC	CÔNG	TC06TYVL	1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	03212219	NGUYỄN THANH	DUY	TC03TYBD	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	05212310	TRẦN MINH	ĐỨC	TC05TYBD	3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212068	TRANG HƯƠNG	HIẾU	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212313	NGUYỄN TAM	KHOA	TC06TYVL	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212083	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05212298	TRƯƠNG PHƯỚC	LỢI	TC05TYDT	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212085	TRƯƠNG HOÀNG	LUÔN	TC06TYCT	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06212089	NGUYỄN CÔNG	LÝ	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212094	NGÔ THỊ NHƯ	NGỌC	TC06TYCT	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	04212713	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	TC04TYVL	12	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06212111	LÊ QUỐC	TRỊ	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06212112	ĐÀO MINH	TRÍ	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06212120	NGUYỄN THỊ THU	XUÂN	TC06TYCT	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 9 Số tờ: 9 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 07...tháng 5... năm 2012

ThS ĐỖ VĂN THỦ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp A3 (902110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	NAM	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ngược lại cho điểm nguyên
1	06154055	HOÀNG TIẾN	NAM	DH070T		2	1
2	07130125	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH07DTH		7	2
3							3
4							4
5							5
6							6
7							7
8							8
9							9
10							10
11							11
12							12
13							13
14							14
15							15
16							16
17							17
18							18
19							19
20							20
21							21
22							22
23							23
24							24
25							25
26							26
27							27
28							28
29							29
30							30
31							31
32							32

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Th.S. NGÔ THIÊN

Th.S. NGÔ THIÊN

Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Toán cao cấp 1-K (902101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07222004	HOÀNG TUẤN ANH	TC07QTTD	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08123251	LÊ HOÀNG ANH	DH08KEGL	<i>[Signature]</i>	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07222025	VŨ QUỐC ĐẠT	TC07QTTD	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06223675	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	TC06KEVQ	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07222095	NGUYỄN THANH QUÝ	TC07QTTD	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09123223	CAO XUÂN QUỲNH	DH09KEGL	<i>[Signature]</i>	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08123330	ĐOÀN TIẾN TOÀN	DH08KEGL		7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 4 năm 2012

[Signature]
[Signature]

[Signature]
Th.S. NGÔ THIÊN

[Signature]
PHẠM THÀNH KÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán cao cấp C2 (202115)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	10123297	NÔNG VĂN BÌNH	DH10KEGL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224011	BẠCH HỒNG DÂN	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08222019	LÂM THỊ NGỌC DIJU	TC08QTTD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222015	PHẠM CHÍ DU	TC09QTTD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10123267	LÊ THÀNH ĐẠT	DH10KEGL		6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07224272	NGUYỄN VĂN HẢI	TC07QL		8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10123312	PHẠM ĐỨC HOÀNG	DH10KEGL		9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08222084	NGUYỄN THỊ DIỄM KHÁNH	TC08QTTD		2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10124263	KPÃ KÝ	DH10QLGL		12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	08222094	HOÀNG THỊ HỒNG LIÊN	TC08QTTD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06224045	TRẦN THỊ KIM LIÊN	TC06QLQ9		14	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	08222100	HOÀNG THỊ KIM LOAN	TC08QTTD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09223109	TRẦN THANH MỸ	TC09KETD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06224207	ĐỒNG HỮU NGUYỄN	TC06QLBT		18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL		20	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC	TC09QTTD		21	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09223083	LÊ THỊ THANH THU	TC09KETD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10124309	PHAN NGỌC TÍN	DH10QLGL		23	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09223088	PHẠM HỒNG TRANG	TC09KETD		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10123282	VŨ NGỌC TRINH	DH10KEGL		25	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	07224259	NGUYỄN HỒNG TUẤN	TC07QL		26	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10123265	LÊ THANH TÙNG	DH10KEGL		27	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10123274	NGUYỄN VŨ	DH10KEGL		28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	06224243	VŨ THANH XUÂN	TC06QLBT		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 15 Số tờ: 15 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 4 năm 2012

Trần Huy Tâm

TH.S. NGÔ THIÊN

PHẠM THÀNH KÔNG

4/24

Mã nhận dạng 00316

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Toán cao cấp B2 (902113)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08125303	LÊ ĐÌNH CĂN	DH08BQGL		1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	05212504	TRẦN THANH CHUNG	TC05TYLA		2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	07213007	VÕ CHÍ CÔNG	TC07NH		3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	06142027	PHẠM THANH HẬU	DH07DY	Hau	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	07147037	LÊ TIẾN HƯNG	DH07QR		5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	07213021	LÊ TẤN ANH	TC07NH		6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY	Thanh	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	07112192	NGUYỄN THỤY THÚY	DH07TY	Thuy	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	08149276	NGÔ THỊ BẢO TRÂN	DH08QMGL		9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	06213059	HÀ DUY TUYÊN	TC06NHCC		10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	06212245	NGUYỄN THỊ HÀI YẾN	TC06TY		11	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài:

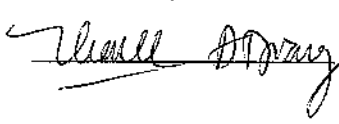
Số tờ:

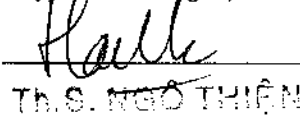
Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 4 năm 2022




Th.S. NGÔ THIÊN


PHẠM THÀNH KÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/6/12

Môn Học : Thiết kế hướng dẫn đồ nội trợ (214352)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	07130002	ĐINH NGỌC ANH	DH07DTH	Anh	7,0	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	04230241	PHẠM VĂN HOÀNG	TC04DTCM		5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	05230044	NGUYỄN LÊ MINH	TC05DTCN		5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6...tháng 6... năm 2012

Phạm Văn Anh
Đỗ Chí Kiên

Phạm Văn Anh

Phạm Văn Anh
Nguyễn T. Phước

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

615 - gg - PM1

RM/6/12

Môn Học : Phân tích và thiết kế HTTT (214461)

BC Thi TB

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07130002	ĐÌNH NGỌC ANH	DH07DTH			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH		5662	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07130018	NGUYỄN PHƯƠNG ĐUY	DH07DTH		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06130119	QUÁCH ĐÌNH DUY	DH07DTH		5874	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	DH07DTM		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07130031	NGUYỄN HỮU HẬU	DH07DTM		56566	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07130056	LÊ QUANG KHÁNH	DH07DTM		05537	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07130151	DƯƠNG THỊ MỸ LINH	DH07DTH		56568	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07130066	NGUYỄN NGỌC LĨNH	DH07DTH		2549	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06130157	VÕ CÔNG LỰC	DH07DTM		065310	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6 tháng 6 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/6/12

Môn Học : Thiết kế hướng dẫn đồ nội trợ (914354)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ĐỒNG	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07329027	NGUYỄN VINH	ĐỒNG	CD07TH	<i>Nguyễn Vinh</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07329080	HUYỀN THẠCH	NGHĨA	CD07TH	<i>Huyền Thạch</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07329125	NGUYỄN QUỐC	THANH	CD07TH	<i>Nguyễn Quốc</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài 03

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6 tháng 6 năm 2012

năm 2012

V. N. P. Trần

ph

Phu Phi Hiep

Nguyễn Quốc Vinh

11/5 9h30 H'D 206

Mã nhận dạng 00392

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/6/12

Môn Học : Hệ thống thông tin kế toán (908357)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	05223081	ĐOÀN THỊ THÙY NHUNG	TC05KETD		8.0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 06 tháng 06 năm 2012

Phạm Thu Phương
Đoàn Minh Dạ Hoàng

Bùi Công Luận

Nguyễn Thị Ngọc Hà

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 12/6/12

Môn Học : Chủ nghĩa xã hội khoa học (900101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123251	LÊ HOÀNG ANH	DH08KEGL			1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	TC07TY			2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08124132	TRẦN THANH DŨNG	DH08QLGL			3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL			4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06213124	TRẦN VĂN HÙNG	TC06NHX	<i>Trần Văn Hùng</i>	Như	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08149263	LƯƠNG THIẾT THẠCH	DH08QMGL			6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06224083	HÀ TRUNG THÀNH	TC06QLQ9			7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07224254	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TC07QL			8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07141085	LƯƠNG VĂN THÂN	DH07NY	<i>Lương Văn Thân</i>	Như	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9			10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD	<i>Trần Thị Như Vũ</i>	Như	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Trần Thị Như Vũ
Trần Thị Như Vũ TS. Võ Thị Hồng TS. Lê Thị Minh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 12/6/12

Môn Học : Triết học Má c-Lê nin (900106)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08213056	TRƯƠNG VĂN THƯỚC	TC07LNCM	<i>[Signature]</i>	5.0	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 12/6/12

Môn Học : Cá c ng.lý CB củ a CN Má c Lê nín (200106)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224152	PHẠM THÀNH AN	TC06QLBT	Thanh An	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213008	ĐẶNG CÔNG DANH	TC08NH	Đặng Công Danh	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224011	BẠCH HỒNG DÂN	TC08QL	Bạch Hồng Dân	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08213009	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	TC08NH	Nguyễn Hải Đăng	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08113218	NGUYỄN HỮU HẢI	DH08NHGL	Nguyễn Hữu Hải	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL	Nguyễn Văn Hậu	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08213013	TẠ TRƯỞNG TẤN	TC08NH	Tạ Trọng Tấn	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08213015	VŨ DUY HƯNG	TC08NH	Vũ Duy Hưng	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08113249	PHAN THỊ THANH MAI	DH08NHGL	Phan Thị Thanh Mai	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08113252	VÕ VĂN NGHĨA	DH08NHGL	Võ Văn Nghĩa	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9	Trần Thanh Sang	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08113273	TRẦN HẬU THẮNG	DH08NHGL	Trần Hậu Thắng	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06224243	VÕ THANH XUÂN	TC06QLBT	Võ Thanh Xuân	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 7 Số tờ: 7 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 2012

TS. Võ Thị Hồng TS. Lê T. Ngọc TS. Trần Huy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bộ nh TN chó mè o (903521)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên n
33	06212200	HUỖNH CẨM	NHUNG	TC06TY	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	04212682	TRUỜNG ANH	PHONG	TC04TYVL	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	06212206	BÙI THANH	PHUỜNG	TC06TY	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	05212176	NGUYỄN TRUỜNG	SƠN	TC05TYCT	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	06212103	TRẦN THANH	SƠN	TC06TYCT	7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212108	NGUYỄN PHUỐC	THÀNH	TC06TYCT	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	06212327	NGUYỄN VĂN	THẮNG	TC06TYVL	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	06212216	HÀ MINH	THIỆN	TC06TY	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	05212338	LÊ DUY	THỰC	TC05TYBD	4	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	05212339	HUỖNH CÔNG	TOẠI	TC05TYBD		10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	06212227	LÊ THỊ THÙY	TRANG	TC06TY	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	06212111	LÊ QUỐC	TRI	TC06TYCT	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	06212112	ĐÀO MINH	TRÍ	TC06TYCT	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	05212189	HUỖNH VĂN	TRÍ	TC05TYCT	4	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	05212550	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	TC05TYLA	4	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	06212333	TRẦN NHẬT	TRUỜNG	TC06TYVL	6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	06212226	PHẠM TẤN	TÙNG	TC06TY		17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	06212245	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	TC06TY		18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

08 Khương, Thạch.
05 vắng

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm 2011

Ths Bùi Ngọc Thủy Linh

Ths Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R22/5/12

Môn Học : Bộ nh TN chó mè o (903521)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG AN	TC06TYCT	X	X 1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06211003	LÊ ĐẶNG VIỆT ANH	TC06TY	X	X 2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL	<i>Phu</i>	5 3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	<i>nguyen</i>	5 4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06212305	NGÔ VĂN QUỐC CÔNG	TC06TYVL	<i>nguyen</i>	5 5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	05212012	VÕ VĂN TRĂNG EM	TC05TYVL	<i>Tram</i>	4 6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	06212160	LƯU GIÁC MỘC GIAO	TC06TY	<i>Giao</i>	5 7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	05212128	NGUYỄN HỒNG HÀO	TC05TYCT	<i>Ho</i>	5 8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	05212018	NGUYỄN THANH HIỀN	TC05TYVL	<i>nguyen</i>	5 9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	06212166	HÀ CÔNG HIẾN	TC06TY	<i>Ha</i>	5 10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	04212219	NGUYỄN VŨ THANH HIỀN	TC04TYBP	<i>Thanh</i>	3 11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	06212169	HUỖNH HIỀN HIẾU	TC06TY	<i>Hieu</i>	6 12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT	<i>Phan</i>	6 13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	06212072	TRẦN BÁT HÝ	TC06TYCT	<i>Tran</i>	6 14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	06212178	NGUYỄN VĂN KHẨN	TC06TY	<i>Van</i>	5 15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	06212313	NGUYỄN TAM KHOA	TC06TYVL	<i>Nguyen</i>	5 16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	06212080	HUỖNH GIANG LAM	TC05TYCT	<i>Nguyen</i>	5 17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY	<i>Qu</i>	5 18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	<i>Truong</i>	4 19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	06212186	NGUYỄN THANH LONG	TC06TY	<i>Thanh</i>	7 20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	06212188	LÊ HOÀNG LỘC	TC06TY	<i>Le</i>	6 21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Nguyen</i>	5 22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Nguyen</i>	4 23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY	<i>Le</i>	5 24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	06212190	NGUYỄN ĐẠI LỢI	TC06TY	<i>Nguyen</i>	6 25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	06212315	VÕ QUỐC LUẬN	TC06TYVL	<i>Vo</i>	4 26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT	<i>Nguyen</i>	5 27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	05212530	LÊ CÔNG MINH	TC05TYLA	<i>Le</i>	5 28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	06212194	NGUYỄN THỊ NGÀ	TC06TY	<i>Nguyen</i>	6 29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	06212196	BÙI THÀNH NGOAN	TC06TY	<i>Bui</i>	5 30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	06212094	NGÔ THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYCT	<i>Nguyen</i>	6 31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	06212095	BÙI HOÀNG NHẬT	TC06TYCT	<i>Bui</i>	6 32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng .h. năm...2011

Phan Ngọc Thủy

Thuan

Th.s Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 18/6/2012

Môn Học : Nhiệm kỳ thuật (910318)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08125335	LÊ THỊ LY	LY	DH08BQGL		1 ✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08125348	DƯƠNG THỊ KIỀU	PHƯƠNG	DH08BQGL		2 ✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08125365	NGUYỄN VĂN	THỦY	DH08BQGL		3 ✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08125378	PHAN THỊ	TUYẾT	DH08BQGL		4 ✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 4 năm 2012

Phạm Tuấn Anh
Phan Thị Lan Khanh

Phạm Tuấn Anh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 18/6/2012

Môn Học : Thống kê ứng dụng & PPTN (910335)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Hiệu	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07148047	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	DH07DD	<i>Bui Huu</i>	6,01	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32							☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1

Số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 06

năm 2012

Trần Lê Thị Thúy
Trần Lê Thị Thúy

Phạm Tuấn Anh
Phạm Tuấn Anh

Phạm Tuấn Anh
Phạm Tuấn Anh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tài chính công (908342)

R18/6/2012

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223159	PHƯƠNG DUNG	TC07KE		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07224232	PHẠM TẤN LỢI	TC07KE		2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG OANH	TC07KETD		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07223139	VÕ THỊ HẢI YẾN	TC07KETD			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R18/6/2012

Môn Học : Tài chính công (908342)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223159	PHƯƠNG DUNG	TC07KE		1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07224232	PHẠM TẤN LỢI	TC07KE		9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG DANH	TC07KETD		3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD		4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07223139	VŨ THỊ HẢI YẾN	TC07KETD		7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 02 Số tờ: 027 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 13 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Văn Quang

Tôn Thất Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Di truyền học đại cương (203203)

R18/0/2012

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên
1	04213089	LÊ VĂN CÔNG	TC04NHXB	<i>[Signature]</i>	1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08212016	NGUYỄN NGỌC HÙNG	TC08TY	<i>[Signature]</i>	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08211632	ĐẶNG THỊ OANH	TC08CNHXB		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08212059	PHẠM THANH TOÀN	TC08TY	<i>[Signature]</i>	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 6 năm 2012

[Signature] Nguyễn Thị Hồng

PGS.TS/ Lê Thanh Hùng

[Signature]
[Signature]

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Điểm thi học kỳ

Bệnh TN chung & gia cầm (903518)

R 28/6/2012

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	04212411	ĐINH VĂN TÚC	TC04TY	L				
2	04212472	HOÀNG VŨ	TC04TY	L	05	Năm	Vũ	

Tổng số sinh viên dự thi: 01 Số bài thi: 01 Số tờ: 01 Kỳ thi ngày 11 Tháng 11 Năm 2011
Số sinh viên đạt: 01; Không đạt: 00

Cán Bộ Coi Thi 1 Vũ Thị Đào Cán Bộ Coi Thi 2 Nguyễn Đình Quát

Xác nhận của Bộ Môn Nguyễn Đình Quát Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Đình Quát Cán Bộ Chấm Thi 2 Nguyễn Đình Quát

Nguyễn Đình Quát

11/5 01/10/2012



Mã nhận dạng 00416

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 20/6/12

Môn Học : Thi trường bất độ ng sả n (909603)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên												
1	06224077	NGUYỄN NGỌC SÁNG	TC06QLQ9		1	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>☒</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	☒	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	☒	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					2	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					3	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					4	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					5	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					6	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					9	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					10	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					11	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					12	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					13	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					14	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					15	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					16	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					17	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					18	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					19	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					20	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					21	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					22	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					23	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					24	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					25	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					26	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					27	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					28	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					29	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					30	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					31	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					32	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 06 năm 2012

015 011 47201



Mã nhận dạng 00425

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

18/6/12

Môn Học : Kiểm tra CLTP & HACCP (910109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	BẢNG	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	07125014	NGUYỄN PHI	BẢNG	DH07BQ	<i>GPB</i>	5,0	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	07125016	PHẠM XUÂN	ĐÍCH	DH07BQ		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)



Mã nhận dạng 00391

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Handwritten signature/initials

Môn Học : Kế m toá n (908356)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trờ n cho điể m nguyên																		
1	05223081	ĐOÀN THỊ THÙY	NHUNG	TC05KETD		8,6	1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						7	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						10	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						11	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						12	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						13	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						14	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						15	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						16	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						17	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						18	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						19	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						20	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						21	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						22	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						23	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						24	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						25	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						26	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						27	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						28	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						29	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						30	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						31	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				
						32	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐				

Số bài: 1 Số tờ: 1 (Tư) Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 13 tháng 06 năm 2012

Handwritten signature: Nguyễn Thị Thùy
Handwritten signature: Lê Thị Nguyệt

Handwritten signature: Nguyễn Văn Tuấn
Handwritten signature: Nguyễn Văn Hào

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phá p luậ t đấ t đai (909401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên													
1	06224519	PHAN THỊ THANH	HÒA	TC06QL	<i>JB</i>	5	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	06119021	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	CD08CQ	<i>Nguyễn</i>	4	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	06224530	NGUYỄN THỊ	OANH	TC06QL	<i>Nguyễn</i>	3	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	05124131	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH07QL	<i>Nguyễn</i>	5	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	04224087	HOÀNG ĐỨC	TUÂN	TC04QL	<i>Nguyễn</i>		5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	08124199	LƯƠNG THỊ HOÀNG	YẾN	DH08QLGL			6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 04 Số tờ: 04 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn, Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

~~Mr. Can't Cam Dung~~ ~~Letting out~~
~~Mr. Ng. Ngoc My~~ ~~Delay The Target the~~

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

28/6/12

Môn Học : Phân tích kinh doanh (908452)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	05223081	ĐOÀN THỊ THÙY	NHUNG	1005KE10	Vay	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 8 tháng 5 năm 2012

M. K. N. N. N.
U. K. N. N. N.

B. K. N. N. N.

B. K. N. N. N.
T. K. N. N. N.



Mã nhận dạng 00397

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

18/12/12

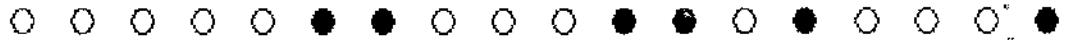
Môn Học : Dự án đầu tư Q (908421)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222145	PHAN KIM NGOC	TC06QTTD			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần Văn

Ch. giám T. Duyệt Cháu



Mã nhận dạng 00397

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R18/6/12

Môn Học : Dự án đầu tư Q (908421)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06222145	PHAN KIM NGOC	TC06QJTD	✓	✓	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

(Signature)

7/8/2012 40205



Mã nhận dạng 00394

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/6/2012

Môn Học : Kế toán tài chính 1 (908371)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123274	LÊ MẠI HIỀN	DH08KECL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Minh Đại Hạnh
Phạm Thu Phụng

12/5 3030 25 303



Mã nhận dạng 00423

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/6/2012

Môn Học : PP nghiên cứu khoa học (909709)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	HÀ	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06224021	ĐỖ THỊ SƠN	HÀ	TC06QL09	<i>[Signature]</i>	5	1 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2							2 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3							3 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4							4 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5							5 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6							6 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7							7 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8							8 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9							9 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10							10 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11							11 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12							12 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13							13 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14							14 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15							15 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16							16 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17							17 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18							18 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19							19 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20							20 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21							21 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22							22 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23							23 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24							24 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25							25 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26							26 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27							27 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28							28 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29							29 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30							30 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31							31 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32							32 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần Thị Thanh Huyền
Đỗ Thị Hợp
Chị Võ Duy Kỳ
Phạm Hùng Thuận

S/S. 10.48 IV/102



Mã nhận dạng 00401

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

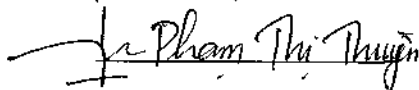
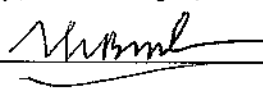
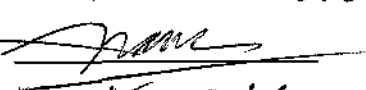
R20/6/2012

Môn Học :

Đàm phán thương lượng (908435)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06222080	LÊ UYÊN	PHƯƠNG	TC06QTTD	9	1 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6...tháng 6... năm 2012




 Phan Thi Thuyen Vu Thanh Min Vu Thanh Min

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

REC/6/2012

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m vào ng tròn n cho điểm nguyên													
1	05223081	ĐOÀN THỊ THUY	NHUNG	TC05KETD	<i>Nhung</i>	<i>Bảy</i>	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
							32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 1 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Uk lè t lonyit
Ane Dāng Chūy Dūng



~~John~~
Train Mind Key

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

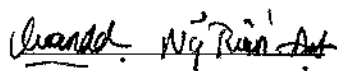
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

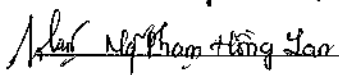
R 20/6/2012

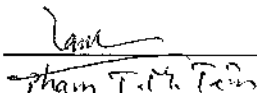
Môn Học : Cây ăn quả nhiệt đới (904401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213110	ĐỖ LÂM DƯƠNG	TC06NHXX		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06213124	TRẦN VĂN HÙNG	TC06NHXX		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....







Trần Văn Hùng



Trần Văn Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/6/2012

Môn Học : Công nghệ chế tạo (907105)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên
1	06119007	NGUYỄN HOÀI AN	DH07CC		5	1 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 06 năm 2012



Mã nhận dạng 00274

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ (208375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06150168	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH06TM		1	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ths. Lê Thị Minh Trúc

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/6/2012

Môn Học : Kế toán thương mại (908375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06223269	TRẦN THỊ BÌNH	TC06KEDN		1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07223155	ĐẶNG THÀNH CÔNG	TC07KE		2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223156	LÊ QUỐC CƯỜNG	TC07KE		3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223243	ĐỖ MẠNH HOÀNG	TC07KE		4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07223172	MAI XUÂN HỌC	TC07KE		5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07223240	TRƯƠNG VĂN HÙNG	TC07KE		6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07223040	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TC07KETD		7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07223045	VŨ THỊ LÂN	TC07KETD		8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07223245	NGUYỄN VĂN LINH	TC07KE		9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07224232	PHẠM TẤN LỢI	TC07KE		10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07223058	HUỲNH THỊ KIM	TC07KETD		11	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07223181	KIÊN SA MẮC	TC07KE		12	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07223187	TRẦN TUYẾT NGÂN	TC07KE		13	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07223190	CAO THỊ NGỌC	TC07KE		14	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07223194	MEÁS DƯƠNG QUỲNH	TC07KE		15	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07223196	LÊ THỊ NINH	TC07KE		16	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07223197	LÊ NGỌC PHÚ	TC07KE		17	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN	TC07KE		18	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07223078	PHẠM ÁNH PHƯƠNG	TC07KETD		19	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07223200	TRẦN THỊ THU	TC07KE		20	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07223208	LÊ VĂN THẮNG	TC07KE		21	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07223101	TRẦN THỊ THANH	TC07KETD		22	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	07223103	NGUYỄN THỊ KIM	TC07KETD		23	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	07223105	VŨ THỊ THOM	TC07KETD		24	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07223114	NGUYỄN THỊ THANH	TC07KETD		25	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	07223215	HUỲNH THỊ TIẾN	TC07KE		26	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07223222	LÊ THỊ HOÀNG	TC07KE		27	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07223135	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	TC07KETD		28	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07223241	VŨ TRỌNG VĨNH	TC07KE		29	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	07223136	TRẦN THỊ NHƯ	TC07KETD	Ưu	1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	07223225	NGUYỄN THANH XUÂN	TC07KE		31	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ths. Lê Thị Minh Quốc

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ (208375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và tổng số câu trả lời cho điểm nguyên
1	06150168	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH06TM	☒	☒	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 05 năm 2012

Ths. Lê Chí Minh Quốc
Ths. Trần Huy Tâm

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 20/6/2012

Môn Học : Kế toán thương mại (908375)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223269	TRẦN THỊ BÌNH	TC06KEDN		1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07223155	ĐẶNG THÀNH CÔNG	TC07KE		2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223156	LÊ QUỐC CƯỜNG	TC07KE	<i>Quốc Cường</i>	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223243	ĐỖ MẠNH HOÀNG	TC07KE	<i>Đỗ Mạnh Hoàng</i>	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07223172	MAI XUÂN HỌC	TC07KE	<i>U</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07223240	TRƯƠNG VĂN HÙNG	TC07KE	<i>Trương Văn Hùng</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07223040	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TC07KETD		7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07223045	VŨ THỊ LÂN	TC07KETD		8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07223245	NGUYỄN VĂN LINH	TC07KE		9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07224232	PHẠM TẤN LỢI	TC07KE		10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07223058	HUỲNH THỊ KIM	TC07KETD		11	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07223181	KIÊN SA MẮC	TC07KE		12	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07223187	TRẦN TUYẾT NGÂN	TC07KE		13	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07223190	CAO THỊ NGỌC	TC07KE		14	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07223194	MEÁS DƯƠNG QUỲNH	TC07KE		15	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07223196	LÊ THỊ NINH	TC07KE	<i>Ninh</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07223197	LÊ NGỌC PHÚ	TC07KE	<i>Như</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN	TC07KE	<i>Chấn Tân</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07223078	PHẠM ÁNH PHƯƠNG	TC07KETD		19	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07223200	TRẦN THỊ THU	TC07KE	<i>Thu</i>	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07223208	LÊ VĂN THẮNG	TC07KE		21	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07223101	TRẦN THỊ THANH	TC07KETD		22	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	07223103	NGUYỄN THỊ KIM	TC07KETD		23	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	07223105	VŨ THỊ THƠM	TC07KETD		24	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07223114	NGUYỄN THỊ THANH	TC07KETD		25	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	07223215	HUỲNH THỊ TIẾN	TC07KE		26	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07223222	LÊ THỊ HOÀNG	TC07KE		27	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07223135	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	TC07KETD		28	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07223241	VŨ TRỌNG VĨNH	TC07KE		29	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	07223136	TRẦN THỊ NHƯ	TC07KETD		30	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	07223225	NGUYỄN THANH XUÂN	TC07KE		31	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 7 Số tờ: 7 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 09 tháng 5 năm 2012

Ths. Lê Chí Minh Quý

Ths. Trần Huy Tâm

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ (208375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06150168	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH06TM			1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
2						2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
3						3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
4						4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
5						5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
6						6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
7						7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
8						8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
9						9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
10						10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
11						11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
12						12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
13						13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
14						14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
15						15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
16						16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
17						17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
18						18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
19						19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
20						20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
21						21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
22						22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
23						23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
24						24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
25						25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
26						26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
27						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
28						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
29						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
30						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
31						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
32						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 04 tháng 5 năm 2012

Ths. Lê Chí Minh Quý

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/6/2012

Môn Học : Kế toán thương mại (908375)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223269	TRẦN THỊ BÌNH	TC06KEDN	<i>ML</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07223155	ĐẶNG THÀNH CÔNG	TC07KE	<i>pe</i>	5	X 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223156	LÊ QUỐC CƯỜNG	TC07KE		3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223243	ĐỖ MẠNH HOÀNG	TC07KE		4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07223172	MAI XUÂN HỌC	TC07KE	<i>h</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07223240	TRƯƠNG VĂN HÙNG	TC07KE	<i>V</i>	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07223040	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TC07KETD	<i>Thy</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07223045	VŨ THỊ LÂN	TC07KETD	<i>Thy</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07223245	NGUYỄN VĂN LINH	TC07KE	<i>cebb</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07224232	PHẠM TẤN LỢI	TC07KE	<i>V</i>	V 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07223058	HUỖNH THỊ KIM MAI	TC07KETD	<i>Kim</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07223181	KIÊN SA MẮC	TC07KE	<i>sa</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07223187	TRẦN TUYẾT NGÂN	TC07KE	<i>Ngan</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07223190	CAO THỊ NGỌC	TC07KE	<i>Ngoc</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07223194	MEÁS DƯƠNG QUỲNH NHƯ	TC07KE	<i>Nhu</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07223196	LÊ THỊ NINH	TC07KE		16	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07223197	LÊ NGỌC PHÚ	TC07KE		17	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN PHÚ	TC07KE		18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07223078	PHẠM ÁNH PHƯƠNG	TC07KETD	<i>Anh</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07223200	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	TC07KE	<i>Thu</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07223208	LÊ VĂN THẮNG	TC07KE	<i>Thang</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07223101	TRẦN THỊ THANH THỊNH	TC07KETD	<i>Thanh</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	07223103	NGUYỄN THỊ KIM THOANG	TC07KETD	<i>V</i>	V 23	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	07223105	VŨ THỊ THƠM	TC07KETD	<i>Thom</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07223114	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	TC07KETD	<i>Thuy</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	07223215	HUỖNH THỊ TIẾN	TC07KE	<i>Tien</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07223222	LÊ THỊ HOÀNG TUYẾN	TC07KE	<i>Thy</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07223135	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	TC07KETD	<i>Thy</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07223241	VŨ TRỌNG VĨNH	TC07KE	<i>Thy</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD		30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	07223225	NGUYỄN THANH XUÂN	TC07KE		31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 21 Số tờ: 21 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 04 tháng 5 năm 2012

Trần Huy Tâm

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Bùi Công Luận

Ths. Lê Thị Minh Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Marketing căn bản Q (908448)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH ĐẠT	DH08KEGI			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 38 Số tờ: 38 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Hoàng Hà Anh
Lê Văn Phan Thị Lê Hằng

[Signature]
Lê Văn Phan



Mã nhận dạng 00277

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Marketing căn bản (208453)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ngược lại cho điểm nguyên
1	08222043	TRINH VĂN GIANG	TCBQTĐ			1
2						2
3						3
4						4
5						5
6						6
7						7
8						8
9						9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 38 Số tờ: 38 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Hoàng Hà Anh

Trần Văn C.

Trần Văn C.

Phan Thị Lê Hằng

Trần Văn C.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (900107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213101	LƯU NGUYỄN NGỌC ANH	TC06NHNX		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06213103	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	TC06NHNX		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	06213110	ĐỖ LÂM DƯƠNG	TC06NHNX		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06213119	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	TC06NHNX		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08123294	NGUYỄN TRƯỞNG LUÂN	DH08KEGL		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT		10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/12

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
1	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08213114	LÊ XUÂN HẢI	TC08NHX		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08113262	VÕ THỊ DƯ	DH08NHGL		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08113273	TRẦN HẬU THẮNG	DH08NHGL		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08222174	TRẦN VĂN TUẤN	TC08QTTD		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224063	VÕ THỊ HẢI VÂN	TC08QL		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần Thị Thanh Trúc

Đu

Tr

Trần Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

300 7h R100



Mã nhận dạng 00227

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08213114	LÊ XUÂN HẢI	TC08NHXX		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08113262	VÕ THỊ DƯ	DH08NHGL		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08113273	TRẦN HỮU THẮNG	DH08NHGL		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08222174	TRẦN VĂN TUẤN	TC08QTDD		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08224063	VÕ THỊ HẢI VÂN	TC08QL		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 03 tháng 5 năm 2012

Null Lê Chí Minh Quốc
Nguyễn Huy Tâm

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R11/6/12

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (900107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213101	LƯU NGUYỄN NGỌC ANH	TC06NHNX		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06213103	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	TC06NHNX		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06213110	ĐỖ LÂM DƯƠNG	TC06NHNX		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06213119	NGUYỄN THỊ THU HẠNG	TC06NHNX		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08123294	NGUYỄN TRƯƠNG LUÂN	DH08KEGL		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 03 tháng 5 năm 2012

Trưởng Lê Thị Minh桂

Phản Huy Tâm TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (900107)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213101	LƯU NGUYỄN NGỌC ANH	TC06NHXX		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06213103	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	TC06NHXX		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06213110	ĐỖ LÂM DƯƠNG	TC06NHXX		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐỊNH	DH06NK		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06213119	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	TC06NHXX		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH	<i>Nguyen</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08123294	NGUYỄN TRƯƠNG LUÂN	DH08KEGL		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÂN	TC06TYCT		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ngô Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R11/6/12

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08213114	LÊ XUÂN HẢI	TC08NHXX			3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08113262	VÕ THỊ DƯ PHƯƠNG	DH08NHGL			4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH			5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08113273	TRẦN HẬU THẮNG	DH08NHGL			6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08222174	TRẦN VĂN TUẤN	TC08QTĐ			7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08224063	VÕ THỊ HẢI VÂN	TC08QL		5	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ngô Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (900107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06213101	LƯU NGUYỄN NGỌC ANH	TC05NHNX		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06213103	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	TC05NHNX		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06213110	ĐỖ LÂM DƯƠNG	TC05NHNX		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06213119	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	TC05NHNX		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05112020	VÕ CHÍ HIỂN	DH06TY		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07213079	HUỖNH TRỌNG KHÔI	TC07NH		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08123294	NGUYỄN TRƯƠNG LUÂN	DH08KEGL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÂN	TC06TYCT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R11/6/12

Môn Học : Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trở n cho điểm nguyên
1	06130114	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH07DTH	<i>[Signature]</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL	<i>[Signature]</i>		2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08213114	LÊ XUÂN HẢI	TC08NHXX			3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08113262	VÕ THỊ DƯ	DH08NHGL			4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH			5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08113273	TRẦN HẬU THẮNG	DH08NHGL			6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08222174	TRẦN VĂN TUẤN	TC08QTĐ			7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224063	VÕ THỊ HẢI VÂN	TC08QL			8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngàytháng năm.....

[Signature]

[Signature]

[Signature]

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng



Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
Điểm thi học kỳ

R 11/5/12

Côn trùng lâm nghiệp (905202)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	07214039	NGUYỄN TRỌNG LỰU	TC07LNCM	L	5	Năm	Quên	01
2	07214046	NGÔ MINH QUYỀN	TC07LNCM	L	5	Năm	Quên	02
3	08213056	TRƯƠNG VĂN THUỐC	TC07LNCM	L	5	Năm	Quên	03
4	07214067	NGUYỄN XUÂN TỈNH	TC07LNCM	L	5	Năm	Quên	04
5	07214068	HUỲNH NHỰT TRIỀU	TC07LNCM	L	5	Năm	Quên	05

Tổng số sinh viên dự thi: 05 Số bài thi: 03 Số tờ: 03 (Ba) Kỳ thi ngày 12 Tháng 4 Năm 2012
Số sinh viên đạt: ; Không đạt:

Cán Bộ Coi Thi 1 Ths. Nguyễn Minh Cảnh Cán Bộ Coi Thi 2 Ths. Nguyễn Văn Khoa

Xác nhận của Bộ Môn Nguyễn Văn Khoa Cán Bộ Chấm Thi 1 Ths. Nguyễn Văn Khoa Cán Bộ Chấm Thi 2 Nguyễn Văn Khoa

Ths. Nguyễn Minh Cảnh

Ths. Nguyễn Văn Khoa

01/11/12

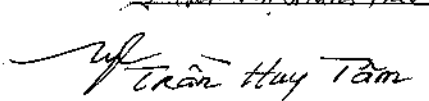
DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

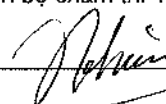
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp tiếp cận khoa học (904311)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213021	LÊ TẤN ANH	KT07NH		Năm	1
2	07113341	TRẦN SỸ	DH07NHGL			2
						3
						4
						5
						6
						7
						8
						9
						10
						11
						12
						13
						14
						15
						16
						17
						18
						19
						20
						21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 4 năm 2012





28/4/012

R07/6/12

Mã nhận dạng 00262

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp tiếp cận khoa học (204919)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	08213001	LÊ THẾ BẢO	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213008	ĐẶNG CÔNG DANH	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08213009	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08213013	TÀ TRƯƠNG TẤN HIỆP	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08213015	VŨ DUY HƯNG	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08113247	VŨ BÁ LINH	DH08NHGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07213112	NGUYỄN HOÀNG MẠNH	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Đang 7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08113275	VŨ VĨNH THỊNH	DH08NHGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08213036	NGUYỄN TRUNG TOÀN	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Nam 9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08213039	LÊ TRỌNG	TC08NH	<i>[Signature]</i>	Sau 10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 8

Số tờ: 8

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 4 năm 2012

[Signature] *[Signature]*

[Signature]

[Signature]

13/5 7/12 20/3/12

207/6/12

Mã nhận dạng 00292

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Mạ ng má y tí nh nâ ng cao (214282)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trỏ n cho điể m nguyên
1	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	DH07DTM	<i>Se</i>	7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	05230044	NGUYỄN LÊ MINH	TC05DTM			☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 Tháng 4 năm 2012

Mr N.T.P. Traho

Phan Văn Tiến

Phan Văn Tiến

20/6/12

Mã nhận dạng 00303

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : ĐACN Hệ thống thông tin (214487)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	07130001	TRẦN VĂN AN	DH07DTM	<i>AN</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07130002	ĐINH NGỌC ANH	DH07DTH	<i>ANH</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07130031	NGUYỄN HỮU HẬU	DH07DTM	<i>HẬU</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07130033	TRƯƠNG PHÚC HẬU	DH07DTM	<i>HẬU</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07130057	PHAN TRỌNG KHIÊM	DH07DTM	<i>KHIÊM</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07130151	DƯƠNG THỊ MỸ LINH	DH07DTH	<i>LINH</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07130066	NGUYỄN NGỌC LĨNH	DH07DTH	<i>LINH</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07130102	CAO VĂN QUÝ	DH07DTH	<i>QUÝ</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 8 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Mai Anh Thơ

1415 12.15 12.15



Mã nhận dạng 00356

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/12

Môn Học : Chăn nuôi heo đực cường (903708)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
1	06212066	HÀ TIẾN DŨNG	TC06TYCT	Dũng	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212160	LƯU GIÁC MỘC	TC06TY	Giáo	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212072	TRẦN BẠT	TC06TYCT	Bạt	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212313	NGUYỄN TAM	TC06TYVL			4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	Tấn	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212085	TRƯƠNG HOÀNG	TC06TYCT			6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT	Thanh	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 5 tháng 6 năm 12

Cao Phước Uyên Tân

Trần Văn Ninh

Trần Thị Mỹ Uyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Rm/6/12

Môn Học : Khối kiến thức tốt nghiệp - TY (903913)

STT	Mã SV	Họ và Tên	ANH	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên
1	03212204	PHAN QUỐC ANH	ANH	TC03TYBD		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	04212304	PHAN THỊ TUYẾT	ANH	TC04TY		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	05212103	SƠN NGỌC	ANH	TC05TYCT		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	05212493	TRẦN THẾ	ANH	TC05TY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	05212212	HỒ THANH	BẦN	TC05TYDT		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	05212404	NGUYỄN THÁI	BÌNH	TC05TY		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	03212023	NGUYỄN VĂN	DOANH	TC03TY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	05212220	LÊ ANH	DUY	TC05TYDT		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	04212615	LÊ THANH	DUY	TC04TYVL		V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	05212611	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	TC05TYTG		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	05212118	LÊ TRUNG	ĐĂNG	TC05TYCT		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	05212224	NGUYỄN QUANG	ĐIỀN	TC05TYDT		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	05212419	NGUYỄN THỊ	HẰNG	TC05TY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	03212041	LÊ PHƯỚC	HẬU	TC03TY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	04212630	TRƯƠNG THỊ THU	HIỀN	TC04TYVL		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	04212027	LÊ PHÚC	HIẾU	TC04TYTG		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	05212231	NGUYỄN THỊ LỆ	HOA	TC05TYDT		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	03212234	THÁI MINH	HOÀNG	TC03TYBD		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	05212527	TRẦN GIA DUY	LÔNG	TC05TYLA		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	05212246	NGÔ MINH	LÝ	TC05TYDT		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	04212055	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	TC04TYTG		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	05212251	BÙI VĂN	NGỌT	TC05TYDT		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	05212042	PHAN HOÀI	NHÂN	TC05TYVL		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	03212256	NGUYỄN NGỌC HOÀI	PHƯƠNG	TC03TYBD		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	05212051	TRẦN VŨ	PHƯƠNG	TC05TYVL		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	06146045	DƯƠNG QUANG	SANG	DH06TY		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	05212496	LÊ HOÀI	SƠN	TC05TY		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	05212539	NGUYỄN VĂN	SƠN	TC05TYLA		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	03212709	TRANG ANH	SƠN	TC03TYST		V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	05212540	NGUYỄN TẤN	TÀI	TC05TYLA		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	04212558	TRẦN HOÀI	THANH	TC04TYCT		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	05212337	MAI MINH	THÀNH	TC05TYBD		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 10 tháng 5 năm 12

Nguyễn Văn Phát

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Rm/6/12

Môn Học :

Khởi kiến thức tốt nghiệp - TY (903913)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	03212277	ĐỖ VĂN THẮNG	TC03TYBD		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	03212106	NGUYỄN DUY THẮNG	TC04TY		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	05212183	PHẠM THỊ THÚY	TC05TYCT		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	05212677	PHAN MINH TRÍ	TC05TYTG		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	05212682	TRẦN HOÀNG TRƯỜNG	TC05TYTG		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	05212283	LÊ QUỐC TUẤN	TC05TYDT		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	04212411	ĐINH VĂN TÚC	TC04TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	05212561	LÊ THANH TÙNG	TC05TYLA		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	05212194	QUÁCH HÂN VĂN	TC05TYCT		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	05212288	BÙI THỊ CẨM VÂN	TC05TYDT		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	05212193	LÊ THỊ TUYẾT VÂN	TC05TYCT		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	05212287	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	TC05TYDT		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	05212084	TRẦN THỊ THẢO YẾN	TC05TYVL		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 12

Nguyễn Văn Phết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/6/12

Môn Học :

Cơ sở dữ liệu (914401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	KHIÊM	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06130146	TRƯƠNG QUANG	KHIÊM	DH06DTM	<i>Kap</i>	Năm	1
							2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: *01* Số tờ: *01* Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày *06* tháng *06* năm *2012*

Vũ Thị P. Trần

Nhà

Nhà

Mai Anh Thư

Đinh Thị Như Nguyệt



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngoặc n cho điểm nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH	ĐÀO	TC08ENX	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08212071	PHẠM THANH	LIÊM	TC08PY	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3					3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Lê Hữu Ngọc
Phạm Đình Trí
PGS.TS. Lê Thanh Hùng
Nguyễn Thị Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH	ĐÀO	TC08CNNX	1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08212071	PHẠM THANH	LIÊM	TC08TY	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lê Hữu Ngọc

Phạm Thị Phương

PGS.TS. Lê Thanh Hùng

Nguyễn Thủy Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R.M/6/12

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH	ĐÀO	TC08CMNX	1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08212071	PHẠM THANH	LIÊM	TC08TY	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 5 năm 2012

Ưng Lê Quang Hiền

P.GS.TS. Lê Thanh Hùng

Nguyễn Thụy Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

11/6/12

Môn Học : Vẽ kỹ thuật M (912331)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
1	08149213	HÀ TRỌNG	ĐIỂM	DH08QMGL	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08149217	VÕ MINH	HIỂU	DH08QMGL	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 10 tháng 05 năm 2012

nh Nguyễn Thị Hà Vy
nh Lê Trường Ngọc Hân
TS. Lê Quốc Tuấn
nh Nguyễn Tấn Phát
nh Nguyễn Tấn Phát

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

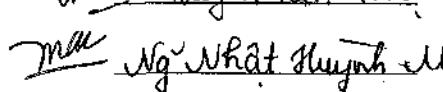
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý ĐC (218101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06149068	DƯƠNG QUỐC THẮNG	DH06QM	Zy	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06224355	TRẦN BẢO XUYỀN	TC06QLCM			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

 TS. Lê Quốc Tuấn
 NG. Nhật Huỳnh
 TS. Lê Quốc Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Hệ thống thông tin địa lý ĐC (218101)

R 11/6/12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06149068	ĐƯƠNG QUỐC THẮNG	DH06QM	phong		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06224355	TRANG BẢO XUYỀN	TC06QLCM	phong	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Hoàng Thị Dung

N.T. Hà Vy

N. Nhật Khánh Mai

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Minh

Minh Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

11/6/12

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp p 2 (908351)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	06223554	NGUYỄN VĂN NHỨT	TC06KE		5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	06223556	VÕ DUY PHƯƠNG	TC06KE		6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trưởng Khoa Đào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/2012

Môn Học : Số sách chữ ng từ kế toán (908355)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223524	PHẠM THỊ HIẾN	TC06KE		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223538	LÊ THỊ HỒNG	TC06KE		2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06223554	NGUYỄN VĂN NHÚT	TC06KE		3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06223556	VÕ DUY PHƯƠNG	TC06KE		4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06223115	CHU THẾ QUYỀN	TC06KETD		5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06223141	PHAN NGỌC THỦY	TC06KETD		6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06223150	PHẠM VĂN TIẾN	TC06KETD		7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06223154	NGUYỄN THỊ THỦY	TC06KETD		8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06223573	ĐỖ THỊ TUYẾT	TC06KE		9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Thị Phương

10/5/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 21/6/2012

Môn Học : Kế toán xây dựng (908373)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN PHÚ	TC07KE		5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Văn Cường

Phan Thị Lệ Hằng

Lê Văn H

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Số sách chứng từ kế toán (908355)

R 21/6/2012

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06223524	PHẠM THỊ HIỀN	TC06KE	<i>[Signature]</i>	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223538	LÊ THỊ HỒNG	TC06KE	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
* 3	06223554	NGUYỄN VĂN NHÚT	TC06KE	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
* 4	06223556	VÕ DUY PHƯƠNG	TC06KE	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06223115	CHU THẾ QUYỀN	TC06KETD			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06223141	PHAN NGỌC THỦY	TC06KETD	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06223150	PHẠM VĂN TIẾN	TC06KETD	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06223154	NGUYỄN THỊ THÚY	TC06KETD	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06223573	ĐỖ THỊ TUYẾT	TC06KE	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 8 Số tờ: 14 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 05 năm 2012

[Signature]
Trần Huy Tâm

[Signature]

[Signature]
Lê Văn Hưng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/2012

Môn Học : Thống kê lâm nghiệp (205308)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06147088	LÊ THẾ VĨNH	DH07QR	Uon	6	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

9/5 10/45 40/20/4



Mã nhận dạng 00414

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/2012

Môn Học : Đã ng ký thố ng kê (909406)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06224083	HÀ TRUNG THÀNH	TC06QLQ9		5,0	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	05224415	TRƯƠNG THANH TÙNG	TC05QLBX		5,0	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Vũ Công Chi này là

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ngô Minh Phương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

21/6/2012

Môn Học : Quản trị văn phòng (908437)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	06222208	TRƯƠNG VĂN ĐOÀN	TC06QTDN		8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 6...tháng 6... năm 2012

Trần Nhật Nam

Trần Nhật Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh học đại cương A1 (902402)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	05212012	VÕ VĂN TRÀNG EM	TC05TYVL	<i>Trần</i>	3	1
2	05212630	HUỖNH VIỆT KHOA	TC05TYTG		2	2
3	04212160	BÙI TRƯỜNG NHÂN	TC04TYBT	<i>B</i>	4	3
4	08125366	HỒ HUỖNH ANH THƯ	DH09QNGI		4	4
5	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ UYÊN	TC05TYTG		5	5
6					6	6
7					7	7
8					8	8
9					9	9
10					10	10
11					11	11
12					12	12
13					13	13
14					14	14
15					15	15
16					16	16
17					17	17
18					18	18
19					19	19
20					20	20
21					21	21
22					22	22
23					23	23
24					24	24
25					25	25
26					26	26
27					27	27
28					28	28
29					29	29
30					30	30
31					31	31
32					32	32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 5 năm 2012

Trần Đình Thanh Đức

Thơ

Lý Trần Huy Tâm

S. LÊ NGỌC THÔNG

Th

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R12/6/12

Môn Học : Sinh học đại cương (202401)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08213110	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TC08NHXX		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08213117	NGUYỄN DUY HIẾU	TC08NHXX		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08213121	ĐỖ DOÃN HỢI	TC08NHXX		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08213018	VY VŨ THANH LÂM	TC08NH	Thanh 7	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08213128	NGUYỄN XUÂN LIỆU	TC08NHXX		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08213140	NGUYỄN HOÀNG MỸ	TC08NHXX		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08213151	NGUYỄN NGỌC SƠN	TC08NHXX		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08212047	NGUYỄN QUỐC THÁI	TC08TY	Nhan 3	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08213159	TRẦN MẠNH THẮNG	TC08NHXX		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	08213168	TỔNG XUÂN TƯỜNG	TC08NHXX		10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	08213174	ĐIỀU THỊ YẾN	TC08NHXX		11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 24 Số tờ: 24 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 2 tháng 5 năm 2012

Trần T. Thanh Trú

Thư

Nguyễn Huy Tâm

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Th

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Chủ nghĩa xã hội khoa học (900101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123251	LÊ HOÀNG ANH	DH08KEGL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ	TC07TY	<i>Mỹ</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08124132	TRẦN THANH DŨNG	DH08QLGL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06213124	TRẦN VĂN HÙNG	TC06NHX		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08149263	LƯƠNG THIẾT THẠCH	DH08QMGL		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06224083	HÀ TRUNG THÀNH	TC06QLQ9	<i>Thành</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07224254	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TC07QL	<i>Thành</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07141085	LƯƠNG VĂN THẬN	DH07NY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD	<i>Như</i>	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

* SV Trần Thị Như Vũ đã thi ca 7h đạt 5đ

12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 12

Ngô Thị Diệu

Đáp Trang

TS. Võ Thị Hồng

TS. Lê Thị Hồng

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R12/G/12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể n nguyên
1	06224152	PHẠM THÀNH AN	TC06QLBT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213008	ĐẶNG CÔNG DANH	TC08NH		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224011	BẠCH HỒNG DÂN	TC08QL	<i>Duc</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08213009	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	TC08NH	<i>Bai</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08113218	NGUYỄN HỮU HẢI	DH08NHGL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL	<i>th</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08213013	TẠ TRƯỞNG TẤN HIỆP	TC08NH		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08213015	VŨ DUY HƯNG	TC08NH		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08113249	PHAN THỊ THANH MAI	DH08NHGL		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08113252	VŨ VĂN NGHĨA	DH08NHGL		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08113273	TRẦN HẬU THẮNG	DH08NHGL		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06224243	VŨ THANH XUÂN	TC06QLBT		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 6 Số tờ: 6 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 12

Ng Thi Das ^P

Dwight Gray Neal

12

TS. Võ Chí Hồng

M

TS 607. N. Ch.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

Môn Học : Bệnh truyền nhiễm heo (903519)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06212112	ĐÀO MINH TRÍ	TC06TYCT		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	05212550	NGUYỄN THÀNH TRÍ	TC05TYLA		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	06212119	NGUYỄN MINH VƯƠNG	TC06TY		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	06212245	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	TC06TY		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

25/6/2012

Môn Học : Bệnh truyền nhiễm heo (903519)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06211003	LÊ ĐẶNG VIỆT ANH	TC06TY	<i>pl</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212067	VÕ VĂN HẠNG	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212068	TRANG HƯƠNG HIẾU	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05212317	LÊ CÔNG HIỆU	TC05TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212069	NGUYỄN QUỐC HOÀN	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06212072	TRẦN BẠT HÝ	TC06TYCT	<i>pl</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212180	NGUYỄN VĂN LÂM	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06212183	TRƯƠNG VĂN LỄ	TC06TY	<i>pl</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY	<i>pl</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06212191	NGUYỄN TẤN LUÔN	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	06212090	VÕ THỊ HUỖNH MAI	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212200	HUỖNH CẨM NHUNG	TC06TY	<i>pl</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	06212202	NGUYỄN VĂN PHONG	TC06TY	<i>pl</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	06212099	NGUYỄN TRÍ PHÚC	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212206	BÙI THANH PHƯƠNG	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06212100	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	06212102	NGUYỄN NGỌC SANG	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	05212584	NGUYỄN THANH SANG	TC05TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	05212542	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THANH	TC05TYLA			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	06212222	NGUYỄN KIM THÚY	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	06212249	TRẦN QUANG TÍN	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06212227	LÊ THỊ THUY TRANG	TC06TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	04212713	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	TC04TYVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	06212111	LÊ QUỐC TRI	TC06TYCT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 06 Số tờ: 06 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 06 tháng 6 năm 12

Phạm Bình An

Trần Thanh Phong
Th.s Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

THI LẠI

Môn Học : Bệnh TN chó mèo (903521)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	06212327	NGUYỄN VĂN THẮNG	TC06TYVL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	05212338	LÊ DUY THỰC	TC05TYBD	<i>ce</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	05212339	HUỲNH CÔNG TOẠI	TC05TYBD		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212227	LÊ THỊ THÙY TRANG	TC06TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	06212111	LÊ QUỐC TRI	TC06TYCT		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	06212112	ĐÀO MINH TRÍ	TC06TYCT		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	05212189	HUỲNH VĂN TRÍ	TC05TYCT	<i>vn</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	05212550	NGUYỄN THÀNH TRÍ	TC05TYLA		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	06212333	TRẦN NHẬT TRƯỜNG	TC06TYVL		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	06212226	PHẠM TẤN TÙNG	TC06TY		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	06212245	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	TC06TY		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 07 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5...tháng 6... năm 12

Phạm Đình Trí phân

Th.s Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

R25/6/2012

Môn Học : Bệnh TN chó mèo (903521)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG AN	TC06TYCT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06211003	LÊ ĐẶNG VIỆT ANH	TC06TY		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212305	NGÔ VĂN QUỐC CÔNG	TC06TYVL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	05212012	VÕ VĂN TRĂNG EM	TC05TYVL	Tram	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212160	LƯU GIÁC MỘC GIAO	TC06TY		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	05212128	NGUYỄN HỒNG HÀO	TC05TYCT		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	05212018	NGUYỄN THANH HIỀN	TC05TYVL		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212166	HÀ CÔNG HIỀN	TC06TY		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	04212219	NGUYỄN VŨ THANH HIỀN	TC04TYBP	Thư	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06212072	TRẦN BAT HÝ	TC06TYCT		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06212178	NGUYỄN VĂN KHẨN	TC06TY		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06212080	HUỲNH GIANG LAM	TC06TYCT		15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	nh	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	06212186	NGUYỄN THANH LONG	TC06TY		17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212188	LÊ HOÀNG LỘC	TC06TY		18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	Nguyen	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY		21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06212190	NGUYỄN ĐẠI LỢI	TC06TY		22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	06212315	VÕ QUỐC LUẬN	TC06TYVL	set	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT		24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	05212530	LÊ CÔNG MINH	TC05TYLA		25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	06212094	NGÔ THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYCT		26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	06212095	BÙI HOÀNG NHẬT	TC06TYCT		27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	06212200	HUỲNH CẨM NHUNG	TC06TY		28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	04212682	TRƯƠNG ANH PHONG	TC04TYVL		29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06212206	BÙI THANH PHƯƠNG	TC06TY		30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	05212176	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	TC05TYCT		31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	06212103	TRẦN THANH SƠN	TC06TYCT		32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 07 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 5...tháng 6... năm 12

Phạm Bình An

Th.s Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

Môn Học : Chế biến và BQ súc sản (903304)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	06212085	TRƯƠNG HOÀNG	LUÔN	TC06TYCT	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	06212089	NGUYỄN CÔNG	LÝ	TC06TYCT	Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	05212530	LÊ CÔNG	MINH	TC05TYLA	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	06212091	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	TC06TYCT	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	06212196	BÙI THANH	NGOAN	TC06TY	Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212197	TRƯƠNG THANH	NGUYỄN	TC06TY	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	06212095	BÙI HOÀNG	NHẬT	TC06TYCT	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	05212330	LÊ THỊ THANH	NHIÊN	TC06TY	Ba	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	06212200	HUỖNH CẨM	NHUNG	TC06TY	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	06212099	NGUYỄN TRÍ	PHÚC	TC06TYCT	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	06212359	NGUYỄN HỮU	PHÚC	TC06TYVL	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	06212206	BÙI THANH	PHƯƠNG	TC06TY	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	06212212	LÊ ANH	TÂM	TC06TY	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	05212777	ĐÌNH CHÍ	THANH	TC05TYTN	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	06211026	LÊ QUANG	THANH	TC06CNBR	Ba	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT	Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	06212216	HÀ MINH	THIỆN	TC06TY	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU	THU	TC06CNBR	Hai	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	06211056	TRẦN VĂN	TÍNH	TC06CNBR	Ba	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	06212227	LÊ THỊ THÙY	TRANG	TC06TY	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	06212111	LÊ QUỐC	TRI	TC06TYCT	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	06212112	ĐÀO MINH	TRÍ	TC06TYCT	Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	05212550	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	TC05TYLA	Hai	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	06212226	PHẠM TẤN	TÙNG	TC06TY	Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	07112283	TRẦN THANH	TÙNG	DH07TY	Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ	UYÊN	TC05TYTG	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	07212081	HUỖNH NGỌC	VINH	TC07TY	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 23 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 04 tháng 6 năm 12

Nguyễn V. V. Nhàn

Đỗ V. Thanh

Nguyễn Ngọc Phan

Phạm Đình Trí phân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
THI LẠI

R25/6/2012

Môn Học : Chế biến và BQ súc sản (903304)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đệm vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG AN	TC06TYCT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212151	HÀ PHỤNG ANH	TC06TY		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06211003	LÊ ĐẶNG VIỆT ANH	TC06TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	03212013	NGÔ THỊ THÙY BẠCH	TC03TY		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	05212302	HỒ PHƯƠNG BÌNH	TC05TYBD		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07112010	NGUYỄN VÕ BÌNH	DH07TY	<i>Nguyễn Văn</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06212305	NGÔ VĂN QUỐC CÔNG	TC06TYVL	<i>Nguyễn Văn</i>	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	05212712	TRẦN THỊ MỸ DUNG	TC05TYTN		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	05212507	ĐẶNG TUẤN ANH DŨNG	TC05TYLA		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06212066	HÀ TIẾN DŨNG	TC06TYCT		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	05212718	VÕ TRỌNG ĐIỀN	TC05TYTN	<i>Nguyễn Văn</i>	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07212018	TRẦN HỮU ĐỨC	TC07TY		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06212160	LƯU GIÁC MỘC GIAO	TC06TY		15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07111028	NGUYỄN ĐỨC HẢI	DH07CN		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07212024	TRẦN TRỌNG HẢI	TC07TY		17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	06212068	TRANG HƯƠNG HIẾU	TC06TYCT		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	05212295	NGUYỄN THÁI HÒA	TC05TYDT	<i>Nguyễn Văn</i>	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT		22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	06212072	TRẦN BẠT HÝ	TC06TYCT	<i>Nguyễn Văn</i>	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06212313	NGUYỄN TAM KHOA	TC06TYVL	<i>Nguyễn Văn</i>	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07111065	NGUYỄN BÁ LONG	DH07CN		27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07212040	TỔNG SƠN LONG	TC07TY		28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT		29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Nguyễn Văn</i>	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY		31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	06212191	NGUYỄN TẤN LUÔN	TC06TY		32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 23 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 04 tháng 6 năm 2012

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

25/6/2012

Môn Học : Academic writing (913101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn cho điểm nguyên
1	07128007	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	DH07AVQ		6	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 6 năm 2012

Lê Vĩnh Chúc Chủ tịch

Lê Thị Ngọc Vang

Kiểm tra Trưởng Chính



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

R25/6/2012

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
Điểm thi học kỳ

Kính tế đất (909604)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	08124132	TRẦN THANH DŨNG	DH08QLGL	L	6	Sáu	<i>[Signature]</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: 01 Số bài thi: 01 Số tờ: 01

Kỳ thi ngày 24 Tháng 05 Năm 2012

Số sinh viên đạt: ; Không đạt:

Cán Bộ Coi Thi 1 *[Signature]*
Ngô Xuân Văn

Cán Bộ Coi Thi 2 *[Signature]*
Đinh Mạnh Tiến

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 *[Signature]*
Nguyễn Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Bộ nh truyền nhiễm chung (203518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	<i>Nguyễn Chí</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	05212504	TRẦN THANH CHUNG	TC05TYLA			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212254	PHẠM NGỌC CHƯƠNG	TC06TY	<i>Phạm Ngọc</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212180	NGUYỄN VĂN LÂM	TC06TY	<i>Nguyễn Văn</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY	<i>Hà Minh</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212221	ĐÀO THỊ THÚY	TC06TY	<i>Đào Thị</i>	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212237	PHẠM THỊ DIỄM	TC06TY	<i>Phạm Thị</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				<i>06 + 03</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trần Lê T.M. Trúc

R5 Lê T Mỹ Dung

Phuoc Ninh

Ng. T. Phuoc Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Bộ nh TN chung & gia cầ m (903518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn n cho điểm nguyên
97	06112156	NGUYỄN THÀNH TUẤN	DH06TY	<i>Tuấn</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	04212411	ĐINH VĂN TÚC	TC04TY		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	06212226	PHẠM TẤN TÙNG	TC06TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	05212287	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	TC05TYDT		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	05212289	LÊ THANH VÂN	TC05TYDT	<i>Lê Thanh Vân</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	06212118	TRẦN QUỐC VIỆT	TC06TYCT	<i>Việt</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	03212654	NGÔ QUANG VINH	TC03TYPY	<i>Ngô Quang Vinh</i>	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	05212798	HÀ HUY VŨ	TC05TYTN	<i>Hà Huy Vũ</i>	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	04212472	HOÀNG VŨ	TC04TY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	05212292	NGUYỄN THANH XUYỀN	TC05TYDT	<i>Xuân</i>	01	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	06212121	HUỖNH NHƯ Ý	TC06TYCT	<i>Như Ý</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	05212084	TRẦN THỊ THẢO YẾN	TC05TYVL		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				<i>04 + 05</i>	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 4 năm 2012

Trần Lê T.M. Trúc

Đỗ Lê T.Mỹ Dung

Nguyễn A. Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R22/5/12

Môn Học :

Bộ nh TN chung & gia cầ m (903518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trồ n cho điể m nguyên
65	06212200	HUỖNH CẨM	NHUNG	TC06TY	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	06212358	NGUYỄN THỂ	PHÚC	TC06TYVL	4	2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	06212099	NGUYỄN TRÍ	PHÚC	TC06TYCT	3	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	07142060	PHẠM HỒNG	PHÚC	DH07DY	4	4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	06212359	NGUYỄN HỮU	PHÚC	TC06TYVL	5	5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	07112188	TRẦN THỊ ÁI	PHƯƠNG	DH07TY	3	6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	03212708	TRẦN VĂN	QUÍ	TC03TYST	3	7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	06112108	TRẦN HÙNG	QUỐC	DH06TY	2	8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	07112195	NGUYỄN MINH	QUÝ	DH07TY	7	9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	06112112	NGUYỄN THỂ	SANG	DH06TY	5	10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	03212710	THÁI MINH	SĨ	TC03TYST	3	11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	05212176	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	TC05TYCT	2	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	06212103	TRẦN THANH	SƠN	TC05TYCT	4	13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	05212774	DƯƠNG THỂ	SỰ	TC05TYTN	2	14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	05212458	TRẦN MINH	TÀI	TC05TY		15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	06212213	PHAN VĂN	TÂM	TC06TY	3	16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	04212692	PHẠM MINH	TẤN	TC04TYVL	01	17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	05212542	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	TC05TYLA	4	18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC05TYCT	2	19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	06212326	NGUYỄN TRƯƠNG HỒNG	THẨM	TC06TYVL	5	20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	07142081	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	DH07DY	4	21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	06212327	NGUYỄN VĂN	THẮNG	TC06TYVL	3	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	05212669	NGUYỄN VĂN	THIỆN	TC05TYTG	5	23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	07112235	PHAN THỊ MINH	THƠ	DH07TY	5	24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	05212271	ĐỒNG VĂN	THUẬN	TC05TYDT	3	25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	04212713	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	TC04TYVL	2	26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	05212276	NGUYỄN QUỐC	TRÂM	TC05TYDT	5	27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	06212111	LÊ QUỐC	TRÍ	TC06TYCT	2	28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	06212112	ĐÀO MINH	TRÍ	TC06TYCT	2	29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	05212277	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	TC05TYDT	5	30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	05212550	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	TC05TYLA	4	31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	06212114	HUỖNH TÚ	TRÌNH	TC06TYCT	5	32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

26 + 26

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trần T. M. Trúc

Lê T Mỹ Dung

Nguyễn Phước Ninh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Bộ nh TỰ chung & gia cầ m (903518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trờ n cho điể m nguyên	
33	05212233	NGUYỄN VĂN HOÀI	TC05TYDT		4	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	06212172	NGUYỄN HỮU HOÀN	TC06TY		01	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	05212234	HỒ THANH HOÀNG	TC05TYDT		7	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	07142025	NGUYỄN ANH HOÀNG	DH07DY		5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	05212138	LÊ THÀNH HON	TC05TYCT		5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212071	NGUYỄN BÙI THẾ HUY	TC06TYCT		4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT		4	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	04212635	LƯƠNG VIỆN HƯNG	TC04TYVL		5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	05212142	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG	TC05TYCT		3	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	07112108	NGUYỄN TUẤN KHANH	DH07TY		5	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	07112112	PHẠM ĐĂNG KHÊ	DH07TY		3	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	05212149	NGUYỄN PHẠM TRUNG KHOA	TC05TYCT		3	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	06212080	HUỲNH GIANG LAM	TC06TYCT		4	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	06212314	TRẦN THỊ TÚ LINH	TC06TYVL		5	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	05212746	BÙI PHI LONG	TC05TYTN		2	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT		2	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT		4	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	05212439	PHẠM HOÀNG MINH LỘC	TC05TY		6	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	05212298	TRƯƠNG PHƯỚC LỢI	TC05TYDT		4	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	06212315	VÕ QUỐC LUẬN	TC06TYVL		6	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT		01	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	07112140	LÊ CÔNG LÝ	DH07TY		5	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT		3	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	06212317	LÊ ĐỖ MINH	TC06TYVL		7	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	06212316	TRẦN VĂN MỘNG	TC06TYVL			25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	03212540	KIM HOÀI NAM	TC03TYCT		5	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	06212354	HUỲNH YÊN NGÂN	TC06TYVL		6	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	06212318	ĐINH THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYVL		3	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	06212094	NGÔ THỊ NHƯ NGỌC	TC06TYCT		3	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	05212753	NGUYỄN THẾ NGỌC	TC05TYTN		01	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	05212251	BÙI VĂN NGỌT	TC05TYDT			31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	06212095	BÙI HOÀNG NHẬT	TC06TYCT		4	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 4... năm 12

BTN 50
Ge 45

[Signature]
Nguyễn Thị Hồng

[Signature]
Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R22/5/12

Môn Học : Bộ nh TN chung & gia cầ m (903518)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG AN	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	01	1
2	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL	<i>[Signature]</i>	4	2
3	05212493	TRẦN THẾ ANH	TC05TY			3
4	06212244	VŨ TUẤN ANH	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	4
5	03212013	NGÔ THỊ THÙY BẠCH	TC03TY			5
6	06212304	ĐẶNG HOÀNG BẢO	TC06TYVL	<i>[Signature]</i>	7	6
7	05212212	HỒ THANH BẮN	TC05TYDT			7
8	07112008	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH07TY	<i>[Signature]</i>	4	8
9	07112009	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH07TY	<i>[Signature]</i>	4	9
10	07112010	NGUYỄN VÕ BÌNH	DH07TY	<i>[Signature]</i>	3	10
11	05212603	TRÌNH HUY BÌNH	TC05TYTG	<i>[Signature]</i>	5	11
12	06212065	TRẦN THỊ KIM CHI	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	5	12
13	05212405	NGUYỄN VĂN CHIẾN	TC05TY	<i>[Signature]</i>	3	13
14	07112016	ĐỖ THÀNH CHUNG	DH07TY	<i>[Signature]</i>	5	14
15	06212305	NGÔ VĂN QUỐC CÔNG	TC06TYVL	<i>[Signature]</i>	5	15
16	07112022	LÊ QUỐC CƯỜNG	DH07TY	<i>[Signature]</i>	4	16
17	07142010	VÒNG THỊ THÙY DUNG	DH07DY	<i>[Signature]</i>	6	17
18	05212307	TRẦN ĐÌNH DUY	TC05TYBD	<i>[Signature]</i>	01	18
19	07112037	TRẦN NGUYỄN BẢO ĐAN	DH07TY	<i>[Signature]</i>	5	19
20	05212224	NGUYỄN QUANG ĐIỀN	TC05TYDT			20
21	05212718	VŨ TRỌNG ĐIỀN	TC05TYTN	<i>[Signature]</i>	3	21
22	07112047	PHÙNG MINH ĐỨC	DH07TY	<i>[Signature]</i>	6	22
23	06212308	CAO TRƯỜNG GIANG	TC06TYVL	<i>[Signature]</i>	4	23
24	03212691	HUYỀN VẤN HẬU	TC03TYST	<i>[Signature]</i>	2	24
25	06142027	PHẠM THANH HẬU	DH07DY	<i>[Signature]</i>	01	25
26	06212166	HÀ CÔNG HIỂN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	3	26
27	04212219	NGUYỄN VŨ THANH HIỂN	TC04TYBP	<i>[Signature]</i>	3	27
28	06212068	TRANG HƯƠNG HIẾU	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	01	28
29	07112079	VŨ TRÍ HIẾU	DH07TY	<i>[Signature]</i>		29
30	05212231	NGUYỄN THỊ LỆ HOA	TC05TYDT			30
31	06212171	LÊ CÔNG HÒA	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	31
32	05212295	NGUYỄN THÁI HÒA	TC05TYDT	<i>[Signature]</i>	4	32

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 20 tháng 4 năm 2012

BTN SD
GE HS

[Signature]
N.T. Lê Hồng

[Signature]
Nguyễn Phước Ninh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Bệ nh truyề n nhiễ m heo (903519)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên
33	06212222	NGUYỄN KIM THÚY	TC06TY		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	06212249	TRẦN QUANG TÍN	TC06TY		6 2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	06212227	LÊ THỊ THÙY	TC06TY		5 3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	04212713	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	TC04TYVL		5 4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	06212111	LÊ QUỐC TRI	TC06TYCT		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	06212112	ĐÀO MINH TRÍ	TC06TYCT		5 6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	05212550	NGUYỄN THÀNH TRÍ	TC05TYLA		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	06212119	NGUYỄN MINH VƯƠNG	TC06TY		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	06212245	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	TC06TY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 23 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 18 tháng 4 năm 2012

Th.s Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

22/5/12

Môn Học : Bộ nh truyề n nhiễ m heo (903519)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	06211003	LÊ ĐĂNG VIỆT ANH	TC06TY	X	X 1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL	X	X 2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY	<i>Chi</i>	5 3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	06212067	VÕ VĂN HẠNG	TC06TYCT	X	X 4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY	<i>Hiên</i>	5 5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06212169	HUỖNH HIỀN HIẾU	TC06TY	<i>Hiên</i>	5 6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	06212068	TRANG HƯƠNG HIẾU	TC06TYCT	<i>Hương</i>	5 7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	05212317	LÊ CÔNG HIẾU	TC06TY	X	X 8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	06212172	NGUYỄN HỮU HOÀN	TC06TY	<i>Hoàn</i>	6 9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	06212069	NGUYỄN QUỐC HOÀN	TC06TYCT	<i>Quốc</i>	5 10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	06212072	TRẦN BẠT HÝ	TC06TYCT	<i>Bạt</i>	4 11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	06212180	NGUYỄN VĂN LÂM	TC06TY	<i>Lâm</i>	6 12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY	<i>Lân</i>	5 13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	X	X 14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	06212083	NGUYỄN TÂN LỘC	TC06TYCT	X	X 15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY	<i>Lợi</i>	4 16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	06212191	NGUYỄN TÂN LUÔN	TC06TY	<i>Tân</i>	6 17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT	X	X 18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT	X	X 19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	06212090	VÕ THỊ HUỖNH MAI	TC06TYCT	X	X 20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	06212194	NGUYỄN THỊ NGÀ	TC06TY	<i>Ngà</i>	5 21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	06212196	BÙI THÀNH NGOAN	TC06TY	<i>Thành</i>	5 22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	06212200	HUỖNH CẨM NHUNG	TC06TY	<i>Hùng</i>	4 23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	06212202	NGUYỄN VĂN PHONG	TC06TY	<i>Phong</i>	2 24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	06212099	NGUYỄN TRÍ PHÚC	TC06TYCT	X	X 25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	06212206	BÙI THANH PHƯƠNG	TC06TY	<i>Phương</i>	5 26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	06212100	NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG	TC06TYCT	<i>Trúc</i>	5 27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	06212102	NGUYỄN NGỌC SANG	TC06TYCT	X	X 28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	05212584	NGUYỄN THANH SANG	TC06TY	X	X 29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	05212542	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THANH	TC06TYLA	X	X 30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT	<i>Thành</i>	5 31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	06212216	HÀ MINH THIÊN	TC06TY	<i>Thiên</i>	5 32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 23 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 4 năm 2012

Phạm T. Phan
Thầy Lê T. Minh Trúc

Thầy Trần Thanh Phong
Thầy Trần Thanh Phong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Chế biến và BQ sữa sả n (903304)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điể m nguyên
33	06212084	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT	Nguyễn Tấn	1
34	06212189	LÊ THỊ	LỢI	TC06TY	Lê Thị	2
35	06212191	NGUYỄN TẤN	LUÔN	TC06TY	Nguyễn Tấn	3
36	06212085	TRƯƠNG HOÀNG	LUÔN	TC06TYCT	Trương Hoàng	4
37	06212089	NGUYỄN CÔNG	LÝ	TC06TYCT	Nguyễn Công	5
38	05212530	LÊ CÔNG	MINH	TC05TYLA	Lê Công	6
39	06212091	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	TC06TYCT	Nguyễn Hữu	7
40	06212196	BÙI THÀNH	NGOAN	TC06TY	Bùi Thành	8
41	06212197	TRƯƠNG THANH	NGUYỄN	TC06TY	Trương Thanh	9
42	04212160	BÙI TRƯỜNG	NHÂN	TC04TYBT	Bùi Trường	10
43	06212095	BÙI HOÀNG	NHẬT	TC06TYCT	Bùi Hoàng	11
44	05212330	LÊ THỊ THANH	NHIÊN	TC06TY	Lê Thị Thanh	12
45	06212200	HUỲNH CẨM	NHUNG	TC06TY	Huỳnh Cẩm	13
46	06212099	NGUYỄN TRÍ	PHÚC	TC06TYCT	Nguyễn Trí	14
47	06212359	NGUYỄN HỮU	PHÚC	TC06TYVL	Nguyễn Hữu	15
48	06212206	BÙI THANH	PHƯƠNG	TC06TY	Bùi Thanh	16
49	06212212	LÊ ANH	TÂM	TC06TY	Lê Anh	17
50	05212777	ĐÌNH CHÍ	THANH	TC05TYTN	Đình Chí	18
51	06211026	LÊ QUANG	THANH	TC06CNBR	Lê Quang	19
52	06212108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	TC06TYCT	Nguyễn Phước	20
53	06212216	HÀ MINH	THIỆN	TC06TY	Hà Minh	21
54	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU	THU	TC06CNBR	Nguyễn Thị Kiều	22
55	06211056	TRẦN VĂN	TÍNH	TC06CNBR	Trần Văn	23
56	06212227	LÊ THỊ THÙY	TRANG	TC06TY	Lê Thị Thùy	24
57	06212111	LÊ QUỐC	TRÍ	TC06TYCT	Lê Quốc	25
58	06212112	ĐÀO MINH	TRÍ	TC06TYCT	Đào Minh	26
59	05212550	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	TC05TYLA	Nguyễn Thành	27
60	06212226	PHẠM TẤN	TÙNG	TC06TY	Phạm Tấn	28
61	07112283	TRẦN THANH	TÙNG	DH07TY	Trần Thanh	29
62	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ	UYÊN	TC05TYTG	Trần Nguyễn Tú	30
63	07212081	HUỲNH NGỌC	VINH	TC07TY	Huỳnh Ngọc	31
32						

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 04 năm 2012

Nguyễn Văn Tấn

Nguyễn Tấn

Nguyễn Ngọc Tấn

Đông Tuấn Mai

Đỗ Văn Thu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R22/5/12

Môn Học : Chế biến và BQ súc sản (903304)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06212061	TRẦN HOÀNG AN	TC06TYCT	Vũ	1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212151	HÀ PHỤNG ANH	TC06TY	hà	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06211003	LÊ ĐĂNG VIỆT ANH	TC06TY		3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	03212013	NGÔ THỊ THÙY BẠCH	TC03TY		4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	05212302	HỒ PHƯƠNG BÌNH	TC05TYBD		5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07112010	NGUYỄN VÕ BÌNH	DH07TY		6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY	hồ	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	hồ	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06212305	NGÔ VĂN QUỐC CÔNG	TC06TYVL	quốc	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	05212712	TRẦN THỊ MỸ DUNG	TC05TYTN	Ba	10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	05212507	ĐẶNG TUẤN ANH DŨNG	TC05TYLA	Nam	11	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06212066	HÀ TIẾN DŨNG	TC06TYCT	Sau	12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	05212718	VÕ TRỌNG ĐIỀN	TC05TYTN	Ba	13	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07212018	TRẦN HỮU ĐỨC	TC07TY	Đức	14	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06212160	LƯU GIÁC MỘC GIAO	TC06TY	Nam	15	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07111028	NGUYỄN ĐỨC HẢI	DH07CN	Nam	16	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07212024	TRẦN TRỌNG HẢI	TC07TY	Vũ	17	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY	Bon	18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH05TY	Vũ	19	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	06212169	HUỖNH HIỀN HIỂU	TC06TY	Nam	20	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212068	TRANG HƯƠNG HIỂU	TC06TYCT	Nam	21	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	06212171	LÊ CÔNG HÒA	TC06TY	Tam	22	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	05212295	NGUYỄN THÁI HÒA	TC05TYDT	Ba	23	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06212172	NGUYỄN HỮU HOÀN	TC06TY	Nam	24	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	06212070	PHAN NGỌC HUY	TC06TYCT	Ba	25	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	06212072	TRẦN BẠT HÝ	TC06TYCT	Bon	26	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	06212313	NGUYỄN TAM KHOA	TC06TYVL	Bon	27	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY	Vũ	28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	Hai	29	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	07111065	NGUYỄN BÁ LONG	DH07CN	Sau	30	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	07212040	TỔNG SƠN LONG	TC07TY	Vũ	31	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	Nam	32	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 04 năm 2012

Nguyễn Văn Văn

Vũ

Nguyễn Ngọc Phan

Đường Tiến Mai

Đỗ V. Thái

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Khối kiến thức tốt nghiệp (909918)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
38	05224173	PHAN VĂN THƯỜNG	TC05QLLD	L	6,0	Sáu		Nợ HP
39	07124124	PHAN THÁI TOÀN	DH07QL	L	8,0	Tám		Nợ HP
40	06224342	VÕ VĂN TRIỆU	TC06QLCM	L	7,0	Bảy		Nợ HP
41	07135072	NGUYỄN TRUNG TRỌNG	DH07TB	L	6,0	Sáu		Nợ HP
42	07135148	NGUYỄN KHẮC HOÀNG VINH	DH07TB	L	7,0	Bảy		Nợ HP
43	07135150	ĐOÀN TRẦN VŨ	DH07TB	L	6,0	Sáu		Nợ HP
44	05224076	NGUYỄN HỒ CHUNG VŨ	TC05QLBN	L	6,0	Sáu		Nợ HP
45	07151086	CHUNG LỢI TIỂU SƠN VƯƠNG	DH07DC	L	6,0	Sáu		Nợ HP

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài thi: _____ Số tờ: _____ Kỳ thi ngày _____ Tháng _____ Năm _____
Số sinh viên đạt: _____; Không đạt: _____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Văn Tân

TS. Nguyễn Văn Tân



Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
Điểm thi học kỳ

R04/6/12

Khối kiến thức tốt nghiệp (909918)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	06224501	HUỖNH TẤN	AN	TC06QL	L	6,0	Sau	Nợ HP
2	06224251	LÊ TRƯỜNG	AN	TC06QLCM	L	6,0	Sau	Nợ HP
3	07135003	NGUYỄN MAI	ANH	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
4	05224327	TRẦN	CƯỜNG	TC05QL	L	5,0	Năm	Nợ HP
5	06124025	NGUYỄN KIẾN	ĐẠT	DH06QL	L	5,0	Năm	Nợ HP
6	06224389	NGUYỄN NGUYỄN	ĐĂNG	TC06QLTG	L	6,0	Sau	Nợ HP
7	06224018	LÊ MINH	ĐỨC	TC06QLQ9	L	6,0	Sau	Nợ HP
8	06224022	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÀ	TC06QLQ9	L	7,0	Bảy	Nợ HP
9	06224514	ĐỖ PHÚ	HIỀN	TC06QL	L	5,0	Năm	Nợ HP
10	06213210	NGUYỄN VĂN	HIỀN	TC06QLCC	L	7,0	Bảy	Nợ HP
11	05224129	NGUYỄN HỮU	HIẾU	TC05QLLD	L	5,0	Năm	Nợ HP
12	06224033	TRẦN THỊ	HOA	TC06QLQ9	L	5,0	Năm	Nợ HP
13	07151051	PHẠM THÁI	HOÀNG	DH07DC	L	7,0	Bảy	Nợ HP
14	06124044	VÕ MINH	HOÀNG	DH06QL	L	5,0	Năm	Nợ HP
15	06224038	TRẦN HỮU	HÙNG	TC06QLQ9	L	5,0	Năm	Nợ HP
16	07151014	NGUYỄN TRỌNG	HUY	DH07DC	L	6,0	Sau	Nợ HP
17	07135034	TRẦN ĐĂNG	KHOA	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
18	07135036	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
19	07135038	NGUYỄN CHÍ	LINH	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
20	07135041	NGUYỄN QUANG	LONG	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
21	06224641	NGUYỄN THẮNG	LONG	TC06QLCC	L	7,0	Bảy	Nợ HP
22	07135042	VÕ TRÍ	LONG	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
23	07124067	HỒ SỸ	LỰC	DH07QL	L	7,0	Bảy	Nợ HP
24	07135045	NGUYỄN VĂN	LỰC	DH07TB	L	6,0	Sau	Nợ HP
25	05224144	NGÔ VĂN	LƯƠNG	TC05QLLD	L	5,0	Năm	Nợ HP
26	06224642	NGUYỄN VĂN CẦU	LÝ	TC06QLCC	L	6,0	Sau	Nợ HP
27	06224052	ĐẶNG THỊ	NGA	TC06QLQ9	L	5,0	Năm	Nợ HP
28	06124081	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH07QL	L	6,0	Sau	Nợ HP
29	06224499	PHẠM MINH	NHÂN	TC06QLTG	L	6,0	Sau	Nợ HP
30	06224065	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC06QLQ9	L	6,0	Sau	Nợ HP
31	07151071	BÙI THANH	SANG	DH07DC	L	5,0	Năm	Nợ HP
32	06224621	NGUYỄN THANH	TÂM	TC06QLCC	L	6,0	Sau	Nợ HP
33	06224459	BẠCH DUY	TÂN	TC06QLTG	L	5,0	Năm	Nợ HP
34	06224464	NGUYỄN LAN	THANH	TC06QLTG	L	6,0	Sau	Nợ HP
35	07135059	NGUYỄN HỒNG	THẢO	DH07TB	L	7,0	Bảy	Nợ HP
36	05224165	ĐINH VĂN	THIỆM	TC05QLLD	L	6,0	Sau	Nợ HP
37	05224063	TRỊNH HOÀNG SƠN	THÚY	TC05QLBN	L	6,0	Sau	Nợ HP

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú

TS. Nguyễn Văn Tân

TS. Nguyễn Văn Tân

1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Truyền tinh truyền phôi (903209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
33	05212276	NGUYỄN QUỐC TRẦN	TC05TYDT	V	V	1
34	07212076	NGUYỄN THANH TÚ	TC07TY	N	V	2
35	07212079	NGUYỄN NGỌC THANH VÂN	TC07TY	Van	3	3
						4
						5
						6
						7
						8
						9
						10
						11
						12
						13
						14
						15
						16
						17
						18
						19
						20
						21
						22
						23
						24
						25
						26
						27
						28
						29
						30
						31
						32

Số bài: 24 Số tờ: 27 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Nguyễn Huy Tâm
TS. Trần Văn Chính Nguyễn Quang Nguyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R04/6/12

Môn Học : Truyen tinh truyen pho i (903209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	06211004	LÊ VĂN BÃY	TC06CNBR		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212005	NGUYỄN NGUYỄN BÌNH	TC07TY	Đuy	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212006	TRẦN THỊ THANH CHI	TC07TY	ph	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	TC07TY	Th	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07212010	CAO NGỌC DUY	TC07TY	Th	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07212086	NGUYỄN ĐỨC DUY	TC07TY	Đuy	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07212092	NGUYỄN THÀNH DUY	TC07TY	Th	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07212011	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	TC07TY	Th	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07212013	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	TC07TY	Th	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07212014	LÊ TRÍ ĐĂNG	TC07TY	Đan	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07212022	PHẠM THỊ NHỊ HÀ	TC07TY	Th	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07212026	NGÔ THỊ THANH HẬU	TC07TY	Th	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07212089	LÊ VĂN HỒNG	TC07TY	Th	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07212107	BÙI VĂN HƯNG	TC07TY	Th	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07212036	HOÀNG NAM KHOA	TC07TY	Th	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	05212629	HUỖNH ĐĂNG KHOA	TC05TYTG	Th	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	05212630	HUỖNH VIỆT KHOA	TC05TYTG	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07111065	NGUYỄN BÁ LONG	DH07CN	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07212043	NGUYỄN MINH LUÂN	TC07TY	Th	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07212047	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	TC07TY	Th	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	03212545	BÙI HỮU NGHỊ	TC03TYCT	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY	Th	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07212048	NGUYỄN HỮU QUANG NHẬT	TC07TY	Th	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	05212330	LÊ THỊ THANH NHIÊN	TC06TY	Th	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07212106	VŨ TRƯỜNG PHONG	TC07TY	Th	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07212093	NGUYỄN MINH PHỤNG	TC07TY	Th	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07112192	NGUYỄN THUY THÚY PHƯỢNG	DH07TY	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06211026	LÊ QUANG THANH	TC06CNBR	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU THU	TC06CNBR	V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	05212271	ĐỒNG VĂN THUẬN	TC05TYDT	Th	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 24 Số tờ: 28 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 03 tháng 05 năm 2012

TS. Trần Văn Chính Lâm Quang Ngà

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R04/6/12

Môn Học : Thiết kế chăn nuôi (903212)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	TÍNH	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06211056	TRẦN VĂN	TÍNH	TC06CNBR	<i>[Signature]</i>	7	1 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 - Số tờ: 01 - Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 5 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature]
Trần Văn Khanh

11/5 7h R100

05 hai
ngày 16/12/12

Mã nhận dạng 00347

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R04/6/12

Môn Học : Giả i phầ u bệ nh (903504)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	07212002	HỒ QUỐC BẢO	TC07TY	<i>[Signature]</i>	năm 1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212005	NGUYỄN NGUYỄN BÌNH	TC07TY	<i>[Signature]</i>	năm 2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	TC07TY	<i>[Signature]</i>	năm 3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07212083	ĐẶNG HẢI DƯƠNG	TC07TY	<i>[Signature]</i>	năm 4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUẬN	TC06TYCT		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212196	BÙI THÀNH NGOAN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	năm 6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07212052	NGUYỄN KHƯƠNG NINH	TC07TY	<i>[Signature]</i>	năm 7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	04212713	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	TC04TYVL		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 06

Số tờ: 06 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 30 tháng 5 năm 12

[Signature]

[Signature]

[Signature]
Nguyễn - Khôi

TS. Dương Duy Đồng

Trang 1/

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R04/6M

Bản đồ họ c (909310)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
1	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL	Hải	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</

Ngày 24 tháng 05 năm 2012

Trang 1/

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

RG46/12

Môn Học : Trắc địa đại cương 2 (909202)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
1	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL	Hải	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 2012

nguyễn
TS Nguyễn Văn Tân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

204/6/12

Môn Học : Tin học ứng dụng (909308)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và học trò cho điểm nguyên
1	07224003	MAI VĂN BẢO	TC07QLBN	<i>Ma</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07224124	TRẦN VĂN RI	EM	<i>Tr</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07224127	TRẦN LƯƠNG NAM	HẢI			3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08124140	VÕ QUỐC	HẢI			4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07224033	NGUYỄN VĂN HỒ	TC07QLBN	<i>Nh</i>	8	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07224104	NGUYỄN TẤN LONG	TC07QLBN	<i>Ng</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07224173	ĐỖ PHÚC	THỊNH			7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07224077	NGUYỄN MINH TIẾN	TC07QLBN			8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07224078	NGUYỄN VĂN TIẾN	TC07QLBN	<i>Nh</i>	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07224081	PHAN VĂN TÍNH	TC07QLBN	<i>Ph</i>	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07224183	BÙI NGỌC TUẤN	TC07QLBN	<i>Bu</i>	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	05224415	TRƯƠNG THANH TÙNG	TC05QLBX	<i>Tr</i>	7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 21 tháng 5 năm 12

Trương Văn Tuấn

Đặng Văn Tuấn

Lê Ngọc Lâm

20.11.2011

Mã nhận dạng 00382

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

20/11/12

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế (908231)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH ĐẠT	DH08KEGL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN	An	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 04 năm 2012

TS. BANG MINH PHUONG
Trần Anh Kiệt

4/5 9/10 10/25



Mã nhận dạng 00272

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

204/6/12

Môn Học : Kinh tế lượng căn bản (208211)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08222043	TRINH VĂN GIANG	TC08QTTD		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08222047	ĐẶNG HOÀNG HẢI	TC08QTTD		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08222172	NGUYỄN VĂN TRUNG	TC08QTTD		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

02 SV
278

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 4 tháng 5 năm 2012

TS. ĐẶNG MINH PHƯƠNG Trần Anh Kiệt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Truyen tinh truyen pho i (903209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn cho điểm nguyên
33	05212276	NGUYỄN QUỐC TRẦN	TC05TYDT		1	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	07212076	NGUYỄN THANH TÚ	TC07TY		2	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
35	07212079	NGUYỄN NGỌC THANH VÂN	TC07TY		3	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					4	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					9	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					10	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					11	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					12	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					13	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					14	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					15	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					16	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					17	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					18	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					19	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					20	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					21	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					22	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					23	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					24	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					25	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					26	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					27	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					28	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					29	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					30	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					31	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
					32	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R04/6/12

Môn Học : Truyền tình truyền nghĩa (903209)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đề m và ng tr n cho điểm nguyên
1	06211004	LÊ VĂN BÀ	TC06CNBR	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212005	NGUYỄN NGUYỄN BÌNH	TC07TY		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212006	TRẦN THỊ THANH	TC07TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ	TC07TY		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07212010	CAO NGỌC DUY	TC07TY		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07212086	NGUYỄN ĐỨC DUY	TC07TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07212092	NGUYỄN THÀNH DUY	TC07TY		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07212011	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	TC07TY		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07212013	NGUYỄN THỊ THÙY	TC07TY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	07212014	LÊ TRÍ ĐĂNG	TC07TY		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07212022	PHẠM THỊ NHỊ HÀ	TC07TY		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07212026	NGÔ THỊ THANH HẬU	TC07TY		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH06TY		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07212089	LÊ VĂN HỒNG	TC07TY		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07212107	BÙI VĂN HƯNG	TC07TY		15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07212036	HOÀNG NAM KHOA	TC07TY		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	05212629	HUỖNH ĐĂNG KHOA	TC05TYTG		17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	05212630	HUỖNH VIỆT KHOA	TC05TYTG		18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07111065	NGUYỄN BÁ LONG	DH07CN		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07212043	NGUYỄN MINH LUÂN	TC07TY		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT		21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	07212047	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	TC07TY		22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	03212545	BÙI HỮU NGHỊ	TC03TYCT		23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY		24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	07212048	NGUYỄN HỮU QUANG NHẬT	TC07TY		25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	05212330	LÊ THỊ THANH NHIÊN	TC06TY		26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	07212106	VŨ TRƯỜNG PHONG	TC07TY		27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	07212093	NGUYỄN MINH PHỤNG	TC07TY		28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	07112192	NGUYỄN THỤY THÚY PHƯỢNG	DH07TY	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	06211026	LÊ QUANG THANH	TC06CNBR	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	06211031	NGUYỄN THỊ KIỀU THU	TC06CNBR	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	05212271	ĐỒNG VĂN THUẬN	TC05TYDT		32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 13...tháng... năm 12

[Signatures]
TS. Trần Văn Chính Lâm Quy Ng

12/5 2011



Mã nhận dạng 00410

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Bản đồ học (909310)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
✓ 1	06224502	LÊ VĂN BÌNH	TC06QL			1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
✓ 2	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL			2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
✓ 3	06224564	PHẠM NGUYỄN ANH NGUYỄN	TC06QL			3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
✓ 4	06224530	NGUYỄN THỊ OANH	TC06QL			4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Tiến Dũng
Phạm Minh Hòa

Chữ ký

Chữ ký

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

25/6/12

Môn Học : Thống kê doanh nghiệp pQ (908224)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223155	ĐẶNG THÀNH	CÔNG	TC07KE	Hai	1
2	07223159	PHƯƠNG	DUNG	TC07KE	Ba	2
3	07223161	NGUYỄN TẤN	ĐIỆP	TC07KE	Ba	3
4	04224024	VŨ DƯƠNG	HÀI	TC04QL	Sáu	4
5	06222043	NGUYỄN KIM	HIẾU	TC06QTTD	Ba	5
6	06122104	NGUYỄN NGỌC	MẠNH	DH06QT		6
7	06222080	LÊ UYÊN	PHƯƠNG	TC06QTTD	Ba	7
8	06222317	LÊ ANH	TÚ	TC06QTDN	Ba	8
9	07223225	NGUYỄN THANH	XUÂN	TC07KE	Ba	9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 8 Số tờ: 8 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 4 năm 12

Chánh DT Giang

Nguyễn T. Bích Phượng

Thầy Giáo Nguyễn Thạc

8/5 9k30 M301

Mã nhận dạng 00387

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Ngoại ngữ chuyên ngành E (908349)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06223206	NGUYỄN PHI HÙNG	TC06KETL		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	05223233	TRẦN NHƯ QUỲNH	TC05KEDA		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	05223381	TRẦN VĂN THIÊN	TC05KEDA		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

K không có sự thi

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Nhật Lam Duyên
Nguyễn Văn Cường

(Signature)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Ngoại ngữ chuyên ngành E (908349)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06223206	NGUYỄN PHI HÙNG	TC06KET			1 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
2	05223233	TRẦN NHƯ QUỲNH	TC05KEDA		7	2 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
3	05223381	TRẦN VĂN THIÊN	TC05KEDA			3 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						4 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						5 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						6 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						7 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						8 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						9 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						10 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						11 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						12 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						13 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						14 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						15 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						16 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						17 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						18 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						19 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						20 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						21 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						22 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						23 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						24 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						25 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						26 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						27 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						28 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						29 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						30 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						31 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
						32 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)

Số bài: 1 Số tờ: 1 (TN) Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ug (e) T Nguyenet

Trần Minh Trí

5/5 9/10 2030/12



Mã nhận dạng 00431

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : KT ổ n đị nh TP & KT đồ hợ p (910403)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớ p	Ký tê n	Điể m	Tô ã m và ng trồ n cho điể m nguê n
1	07125082	NGUYỄN MINH HÙNG	DH07BQ		6,0	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 18 tháng 05 năm 2012

PGS.TS. BÙI VĂN MIỀN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Kinh tế nông lâm địa phương (208104)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06212151	HÀ PHỤNG ANH	TC06TY		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	07112010	NGUYỄN VÕ BÌNH	DH07TY	<i>Thư</i>	Năm 2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY	<i>Thư</i>	Năm 3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	06212254	PHẠM NGỌC CHƯƠN	TC06TY		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY	<i>Thư</i>	Sáu 5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06212172	NGUYỄN HỮU HOÀN	TC06TY	<i>Thư</i>	Sáu 6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	06212189	LÊ THỊ LỢI	TC06TY	<i>Thư</i>	Sáu 7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	06212212	LÊ ANH TÂM	TC06TY	<i>Thư</i>	Sáu 9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	06212238	PHẠM THỊ KIM TUYỀN	TC06TY	<i>Thư</i>	Sáu 10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	03212736	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁN VƯƠNG	TC03TYST	<i>Thư</i>	Năm 11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 8

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9. tháng 5. năm 2012

Trần Thị Thanh Bình

Trần Lê Chí Minh Quốc

Trần Văn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Nuôi ong (903509)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06212151	HÀ PHỤNG ANH	TC06TY	<i>[Signature]</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06211003	LÊ ĐẶNG VIỆT ANH	TC06TY	<i>[Signature]</i>	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212244	VŨ TUẤN ANH	TC06TY	<i>[Signature]</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212156	HUỖNH VĂN CHÍ	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212246	NGUYỄN HẢI GIANG	TC06TY	<i>[Signature]</i>	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212166	HÀ CÔNG HIỂN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212171	LÊ CÔNG HÒA	TC06TY	<i>[Signature]</i>	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06212187	NGUYỄN VĂN LONG	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	06212088	ĐẶNG THANH LY	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	06212194	NGUYỄN THỊ NGÀ	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06212196	BÙI THÀNH NGOAN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	05212330	LÊ THỊ THANH NHIÊN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	06212200	HUỖNH CẨM NHUNG	TC06TY	<i>[Signature]</i>	4	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	06212212	LÊ ANH TÂM	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212213	PHAN VĂN TÂM	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT	<i>[Signature]</i>	5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	05212330	HUỖNH CÔNG TOẠI	TC06TYBD	<i>[Signature]</i>	20	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	06212237	PHẠM THỊ DIỄM TUYỀN	TC06TY	<i>[Signature]</i>	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 19 Số tờ: 19 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 5 năm 2012

[Signature] Lê Chi Minh Quốc

[Signature] F.S. Ng. Qu. Tân *[Signature]*

4/5 14/11/12 22.12



Mã nhận dạng 00363

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Nhân nuôi côn trùng có ích (904724)

STT	Mã SV	Họ và Tên	KHOA	Lớp	Ký tên	Điểm m	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213020	TRẦN BÁ	KHOA	TC07NH	ĐB Khoa	6	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 (TN) Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 20 tháng 05 năm 12

Đoàn Văn Khoa

TS Nguyễn Văn Khoa

Lê Phú Quốc Nhựt

Nguyễn Văn Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

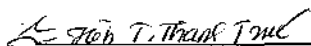
Môn Học : Logic học c (902609)

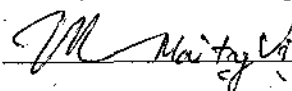
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn n cho điểm nguyên
1	06224253	NGUYỄN THÚY AN	TC06QLCM		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06146003	DANH DŨNG	DH07QL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	05224395	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	TC05QLBX		0/0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07224173	ĐỖ PHÚC THỊNH	TC07QLBN		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

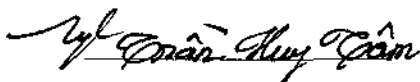
Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 2012









Mã nhận dạng 00240

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Logic học c (202609)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm m	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL	<i>[Signature]</i>	0,0	1
2	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL	<i>[Signature]</i>	0,0	2
3						3
4						4
5						5
6						6
7						7
8						8
9						9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Cầm biển đo lường điều khiển (907506)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07138007	NGUYỄN VIỆT LUẬN	ĐH07TD	<i>Luận</i>	10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: (Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Văn Bình *Nguyễn Văn Bình* *Nguyễn Văn Bình*
Nguyễn Văn Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Mô phôi (903508)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng trở n cho điểm nguyên
1	06212151	HÀ PHỤNG ANH	TC06TY		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212301	PHẠM TUẤN ANH	TC06TYVL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212010	CAO NGỌC DUY	TC07TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212168	NGUYỄN TRUNG HIỀN	TC06TY	<i>Điểm</i>	<i>Sáu</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07142028	KHÚC QUANG HUY	DH07DY		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ LÂN	TC06TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212085	TRƯƠNG HOÀNG LUÔN	TC06TYCT		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07212052	NGUYỄN KHƯƠNG NINH	TC07TY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	04212682	TRƯƠNG ANH PHONG	TC04TYVL	<i>Điểm</i>	<i>Sáu</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07142059	PHẠM HOÀNG PHÚC	DH07DY		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07142060	PHẠM HỒNG PHÚC	DH07DY		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07212061	NGUYỄN NGỌC SANG	TC07TY		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06211026	LÊ QUANG THANH	TC06CNBR		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06211028	NGUYỄN LÊ CHIÊU THẮNG	TC06CNBR		15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07212068	PHẠM VĂN TỈNH	TC07TY		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	05212339	HUỖNH CÔNG TOẠI	TC05TYBD		17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212227	LÊ THỊ THỦY	TC06TY	<i>Điểm</i>	<i>Sáu</i>	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	04212713	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	TC04TYVL		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	04212099	NGUYỄN THỊ TRĂNG TRÚNG	TC04TYTG		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 03 Số tờ: 03 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 05 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Bích

TS. Nguyễn Tất Toàn

Nguyễn Văn Khá

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học :

Mô phôi (903508)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ANH	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06212151	HÀ PHỤNG	ANH	TC06TY		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212301	PHẠM TUẤN	ANH	TC06TYVL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07212010	CAO NGỌC	DUY	TC07TY		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212168	NGUYỄN TRUNG	HIỀN	TC06TY		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07142028	KHÚC QUANG	HUY	DH07DY		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212182	NGUYỄN VŨ QUÝ	LÂN	TC06TY		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06212085	TRƯƠNG HOÀNG	LUÔN	TC06TYCT		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06212197	TRƯƠNG THANH	NGUYỄN	TC06TY	hu 8 (hôm 8)	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	07212052	NGUYỄN KHƯƠNG	NINH	TC07TY		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	04212682	TRƯƠNG ANH	PHONG	TC04TYVL		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	07142059	PHẠM HOÀNG	PHÚC	DH07DY		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	07142060	PHẠM HỒNG	PHÚC	DH07DY		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07212061	NGUYỄN NGỌC	SANG	TC07TY		13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06211026	LÊ QUANG	THANH	TC06CNBR		14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	06211028	NGUYỄN LÊ CHIÊU	THẮNG	TC06CNBR		15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07212068	PHẠM VĂN	TÌNH	TC07TY		16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	05212339	HUỲNH CÔNG	TOẠI	TC05TYBD		17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06212227	LÊ THỊ THÙY	TRANG	TC06TY		18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	04212713	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	TC04TYVL		19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	04212099	NGUYỄN THỊ TRĂNG	TRÚNG	TC04TYTG		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01. Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 5 năm 12

Nguyễn Thị Đào

TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : XÁC SUẤT THỐNG KÊ A (902117)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	07247057	NGUYỄN MINH ANH	TC07QRBN		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08124128	BÙI THANH CHỨC	DH08QLGL		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	05212003	TĂNG THÀNH DIỄN	TC05TYVL		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09124174	NGUYỄN QUANG HẢI	DH09QLGL		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09124147	TRẦN LÊ NHÂN	DH09QLGL		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	06223650	LÊ CÔNG HẦU	TC06KEVQ		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08123274	LÊ MAI HIỀN	DH08KEGL		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	07224222	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	TC07QL		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	05212629	HUỖNH ĐĂNG KHOA	TC05TYTG	<i>10/11</i>	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	05212630	HUỖNH VIỆT KHOA	TC05TYTG		11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	05224382	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TC05QLBX		12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	03212545	BÙI HỮU NGHỊ	TC03TYCT		13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09124159	PHẠM THÁI NGỌC	DH09QLGL		14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	06146045	DƯƠNG QUANG SANG	DH06TY		15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	07212061	NGUYỄN NGỌC SANG	TC07TY		16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	07224254	PHẠM NGUYỄN THÀNH	TC07QL		17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	06222287	HÀ VĂN THAO	TC06QTDN		18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	08124181	ĐỖ MINH THIÊN	DH08QLGL		19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	06224091	NGUYỄN ĐỨC THỦ	TC06QLQ9		20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	07222126	BÙI THIÊN THUẬT	TC07QTTD		21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09124141	TRỊNH THỊ LỆ THÚY	DH09QLGL		22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	06223451	PHÙNG THỊ THÚY	TC06KEDN		23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09124165	ĐÀO SỸ TIẾN	DH09QLGL		24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	05223266	PHẠM THỊ MINH TRANG	TC05QTDN		25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ UYÊN	TC05TYTG	<i>26/11</i>	26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9		27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	06224114	PHAN QUỐC VIỆT	TC06QLQ9		28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 2 Số tờ: 2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngàytháng năm.....

Trần Văn Thành

Trần Văn Thành

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Xác suất thống kê (202121)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08224201	VÕ MINH BẠCH	TC08QLBT	<i>Minh</i>	Nam	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213001	LÊ THẾ BẢO	TC08NH		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224209	HUỖNH TẤN CƯỜNG	TC08QLBT	<i>Huỳnh Tấn Cường</i>	Nam	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224219	PHAN THANH HẢI	TC08QLBT	<i>Thanh Hải</i>	Sau	4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09114124	TRẦN NGỌC HẠNH	DH09NHGL		5	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224223	NGÔ QUANG HUY	TC08QLBT	<i>Quang Huy</i>	Nam	6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224222	NGUYỄN TRỌNG HỮU	TC08QLBT	<i>Trọng Hữu</i>	Nam	7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08213131	LÊ VIỆT LONG	TC08NHX		8	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08224235	VÕ THỊ NGỌC NGÂN	TC08QLBT	<i>Thị Ngọc Ngân</i>	Nam	9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08224236	LÊ HỮU NGHĨA	TC08QLBT	<i>Hữu Nghĩa</i>	Nam	10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08223219	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	TC08KE		11	11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08224246	NGUYỄN CAO NHƯ PHƯƠNG	TC08QLBT	<i>Như Phương</i>	Nam	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	07113176	ĐẶNG HUỖNH MINH SƠN	DH07NHA		13	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	08113268	NGUYỄN HOÀNG QUẾ SƠN	DH09NHGL		14	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07213033	NGUYỄN NGỌC SƠN	TC08NH	<i>Ngọc Sơn</i>	Nam	15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	08224256	LÊ CHÍ THÀNH	TC08QLBT	<i>Chí Thành</i>	Nam	16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	08213159	TRẦN MẠNH THẮNG	TC08NHX		17	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	08213157	NGUYỄN CHÍ THÂN	TC08NHX		18	18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	08213168	TỔNG XUÂN TƯỜNG	TC08NHX		19	19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	08224269	PHAN VĂN VIỆT	TC08QLBT	<i>Văn Việt</i>	Nam	20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	08224271	BÙI THỊ THANH XUÂN	TC08QLBT	<i>Thị Thanh Xuân</i>	Nam	21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 12 Số tờ: 12 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Ngô Thị Ngọc
Trần Thị Minh

Haell
TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Đức Anh



Mã nhận dạng 00313

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Toán cao cấp A2 (902109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ô trống n cho điểm nguyên
1	05230094	NGUYỄN XUÂN VINH	TC05DTON		5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2						2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

12/5 7h 7J



Mã nhận dạng 00344

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học :

Bộ môn nội khoa (903402)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	05212306	TRẦN QUỐC DŨNG	TC05TYBD		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	05212125	NGUYỄN PHƯỚC GỌN	TC05TYCT		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212194	NGUYỄN THỊ	TC05TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	05212448	NGUYỄN THANH	TC05TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212326	NGUYỄN TRƯỜNG HỒNG	TC06DAVL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 17 tháng 5 năm 2012

TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 2 (913602)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
13	08124178	CHU ĐÌNH THÀNH	DH08QLGL		1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	06224243	VÕ THANH XUÂN	TC06QLBT		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 3 tháng 5 năm 12

Châu Đình Thành
ThS. Tạ Mỹ Nga
Tạ Mỹ Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Anh văn 2** (213602)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m vào ng trờ n cho điể m nguyên
1	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL	<i>Cường</i>	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10149260	LÊ CÔNG ANH	DH10QMGL		2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10123312	PHẠM ĐỨC	DH10KEGL		3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09113179	LÊ THỊ HƯƠNG	DH09NHGL		4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06122104	NGUYỄN NGỌC MẠNH	DH06QT	<i>Ngọc</i>	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08125339	TRẦN LÊ NGUYỄN	DH08BQGL		6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08222124	ỨNG THÁI NHẬT	TC08QTDD	<i>Thái</i>	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08222128	NGUYỄN THỊ PHẤN	TC08QTDD	<i>Phấn</i>	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08222259	DƯƠNG QUANG TÂM	TC08QTDN	<i>Quang</i>	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10149278	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	DH10QMGL		10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10149303	PHAN THẾ VINH	DH10QMGL		11	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10149313	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH10QMGL		12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 05 Số tờ: 05 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 13 tháng 5 năm 12

Trần Thị Ngọc

Trần Thị Ngọc

Trần Thị Ngọc

ThS. Trần Thị Ngọc

ThS. Trần Thị Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1-K (913609)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn cho điểm nguyên
1	08124123	HỒ SỸ TUẤN ANH	DH08QLGL			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08125339	TRẦN LÊ NGUYỄN	DH08BQGL			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08125355	NGUYỄN TỰ TÂM	DH08BQGL			3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09149264	VŨ HUY THANH	DH09QMGL			4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08125365	NGUYỄN VĂN THÙY	DH08BQGL			5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

Trần Huy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1 (913601)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224029	NGUYỄN THỊ TUYẾT HẰNG	TC06QLQ9		1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	02212085	VÕ HOÀNG SƠN	TC02TYVL		2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Duy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Anh văn 1 (213601)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06224005	LƯƠNG VĂN BÃY	TC06QLQ9		1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL		2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08212011	LÊ HIỆP	TC08TY	<i>Viên</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224017	TRẦN QUỐC ĐO	TC08QL		4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224032	PHẠM HUỖNH HOA	TC06QLQ9		5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL	<i>Phong</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06122104	NGUYỄN NGỌC MẠNH	DH06QT	<i>Quỳ</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08125339	TRẦN LÊ NGUYỄN	DH08BQGL		8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL		9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08223224	LÊ THỊ SAO	TC08KE		10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09149264	VŨ HUY THANH	DH09QMGL		11	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06224083	HÀ TRUNG THÀNH	TC06QLQ9		12	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 10 tháng 5 năm 2012

Phạm Huy Tâm

Quỳ

Quỳ

Ths. Tạ Mỹ Nga

Tạ Mỹ Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Anh văn 1-K (913609)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và học trò cho điểm nguyên
1	08124123	HỒ SỸ TUẤN	ANH	DH08QLGL	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08125339	TRẦN LÊ	NGUYỄN	DH08BQGL	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08125355	NGUYỄN TỰ	TÂM	DH08BQGL	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09149264	VŨ HUY	THANH	DH09QMGL	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08125365	NGUYỄN VĂN	THÙY	DH08BQGL	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 4 năm 2012

Trần Thanh Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Anh văn 1 (913601)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	06224029	NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNG	TC06QLQ9		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	02212085	VÕ HOÀNG SƠN	TC02TYVL		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3					3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0

Số tờ: 0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 4 năm 2012

Lê Thị Thanh Trúc

Nguyễn Thị Mỹ Nga

Nguyễn Thị Mỹ Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học :

Anh và n 1 (213601)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m vào ng tròn n cho điểm nguyên
1	06224005	LƯƠNG VĂN BÀ	TC06QLQ9		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224007	HỒ VĂN CƯỜNG	TC08QL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08212011	LÊ HIỆP	TC08TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224017	TRẦN QUỐC ĐO	TC08QL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224032	PHẠM HUỲNH HOA	TC06QLQ9		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06122104	NGUYỄN NGỌC MẠNH	DH06QT			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08125339	TRẦN LÊ NGUYỄN	DH08BQGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08223224	LÊ THỊ SAO	TC08KE		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09149264	VŨ HUY THANH	DH09QMGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	06224083	HÀ TRUNG THÀNH	TC06QLQ9		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 06 Số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 4 năm 2012

ThS. Tạ Mỹ Nga

Tạ Mỹ Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Bộ nh câ y đạ i cường (204702)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm m	Tô độ m và ng trò n cho điể m nguyên
1	08113222	NGÔ THỊ HỒNG HẠNH	DH08NHGL		1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2					2	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3					3	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4					4	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5					5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6					6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7					7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8					8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9					9	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10					10	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11					11	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12					12	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13					13	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14					14	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15					15	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16					16	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17					17	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18					18	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19					19	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20					20	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21					21	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22					22	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23					23	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24					24	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25					25	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26					26	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27					27	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28					28	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29					29	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30					30	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31					31	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32					32	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Ngọc Thuận

[Signature]

Trần Thị Mỹ Thuận

Võ Thị Thu Anh

12/5 9h30 PV332



Mã nhận dạng 00364

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học :

Khuyến nông M (904801)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn cho điểm nguyên
1	06213124	TRẦN VĂN HÙNG	TC06NHXX	<i>[Signature]</i>	1,0	1 ☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 14 tháng 05 năm 2012

[Signatures]
TS. Võ Phú Dân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nông lâm kết hợp (905222)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và học trò cho điểm nguyên
1	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	ĐH06NK			☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Văn Trọng

Lê Thị Luận

hh

Bùi Việt Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Nông lâm kết hợp (905222)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06146070	NGUYỄN XUÂN ĐÌNH	DH06NK	<i>[Signature]</i>	5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 16 tháng 5 năm 2012

[Signature] *[Signature]* *[Signature]*
[Signature] *[Signature]* *[Signature]*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

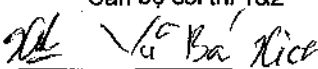
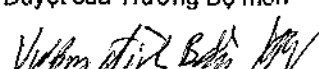
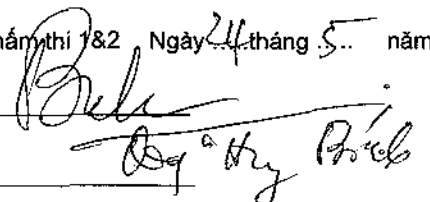
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

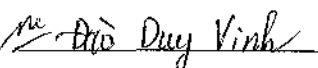
R 31/5/12

Môn Học : Cơ lưu chất (905606)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn cho điểm nguyên
1	06154055	HOÀNG TIẾN NAM	PH070T		1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 5 năm 2012



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Bảo vệ môi trường (205101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07134011	TRẦN DUY KHA	ĐH07GB		8,0	1 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06224407	NGUYỄN CHI KHAI	TC06QLBT			2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Khai Giảng Trường Đại học Nông Lâm TP HCM

Nguyen Thi Hong Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Bảo vệ môi trường (205101)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07134011	TRẦN DUY	KHA	DH02GB		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06224407	NGUYỄN CHÍ	KHAI	TC06QLBT	7,0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Xuân
Nguyễn Hoàng Khoa

Chơn
Ng V Khoa
17 5.12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Cầm biển đo lường điều khiển (907506)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và tổng tròn cho điểm nguyên
1	07138007	NGUYỄN VIỆT LUẬN	DH07TD		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Văn Hùng

Trưởng Bộ môn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Nguyên lý máy (207111)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	ĐH07NL		1.0	☐ V ☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 20 tháng 5 năm 2012

Lê Văn Tuấn

Đỗ Hữu Toàn

Trương Quang Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Thực vật học và phân loại TV (202416)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	09113179	LÊ THỊ HƯƠNG	DH09NHGL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07213082	NGUYỄN THỊ LỆ	TC07NH	<i>Le</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07213055	NGUYỄN LÊ TRÚC	TC07NH	<i>Trúc</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08113268	NGUYỄN HOÀNG QUẾ	DH09NHGL		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09114127	NGUYỄN XUÂN SƠN	DH09NHGL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng I... năm 2012

Ch. p. & H. S. O. A. N. H. S. L. E. N. G. O. C. T. H. O. N. G.
Th. S. L. E. N. G. O. C. T. H. O. N. G.
Th. S. L. E. N. G. O. C. T. H. O. N. G.

Ph. S. L. E. N. G. O. C. T. H. O. N. G.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Thí nghiệm Hóa 1 (902304)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06111060	MAI VIỆT HOÀNG	DH07CN		7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08125355	NGUYỄN TỰ TÂM	DH08BQGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08125362	TRẦN TRỌNG THÔNG	DH08BQGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08125372	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	DH08BQGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	07212077	LÂM VĂN TÚ	TC07TY	Tu	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 11 năm 2012

ThS. Nguyễn Vĩnh Lan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh địa i cương A2 (902403)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m vào ng tròn n cho điểm nguyên
1	04212689	LÊ NHỰT TÂN	TC04TYVL			☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Không có SV

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh học động vật (902413)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ng tròn cho điểm nguyên
1	08149201	VŨ TRƯỜNG ANH	DH08QMGL		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08149203	LÊ VĂN BẢO	DH08QMGL		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08125303	LÊ ĐÌNH CĂN	DH08BQGL		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08125315	NGUYỄN PHÙNG KHÁNH HÀ	DH08BQGL		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08125319	PHAN THỊ ÚT HẠNH	DH08BQGL		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08125325	HỒ THỊ THANH HUỆ	DH08BQGL		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08125354	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH08BQGL		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08125362	TRẦN TRỌNG THÔNG	DH08BQGL		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08125367	LÊ ANH THƯƠNG	DH08BQGL		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09149276	NGUYỄN LÊ MẠNH TÙNG	DH09QMGL		10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Không có SV



Mã nhận dạng 00236

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R.31/5/12

Môn Học : Sinh học động vật (202413)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	08212044	NGUYỄN VĂN TÂN	TC08TY	<i>[Signature]</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	05212560	TRẦN KHÁNH TỬ	TC08TYCA		2	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10149278	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	QH10QNGH		3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

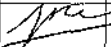
Số bài: 07 Số tờ: 07 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 10 tháng 05 năm 2012

[Signature]
Th.S. LÊ NGỌC THÔNG *[Signature]* Th.S. NGUYỄN HỮU TRÍ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Sinh địa i cương A2 (902403)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ô trống cho điểm nguyên
1	04212689	LÊ NHỰT TÂN	TC04TYVL		6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 01

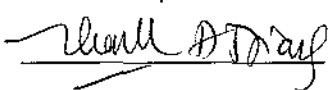
Số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1&2

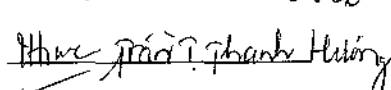
Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 04 năm 2012



Th.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

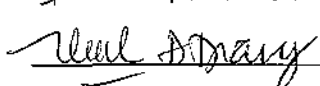
Môn Học : Sinh học thực vật (202414)

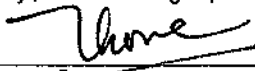
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ô trống cho điểm nguyên												
1	02212102	PHẠM CÔNG TRẠNG	TC02TYVL		3	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

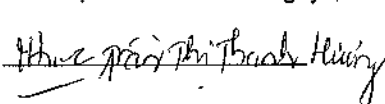
Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 26 tháng 04 năm 2012




Th.S. LÊ NGỌC THÔNG



DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

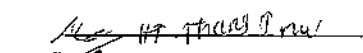
Môn Học : Sinh địa i cương A2 (902403)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	04212689	LÊ NHỰT TÂN	TC04TYVL		5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

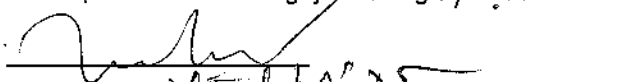
Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 4 năm 2012


Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG


Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

88/10 20/11/2015



Mã nhận dạng 00450

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Toán rời rạc 2 (914258)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	04230247	DƯƠNG KHÔI	TC04DTCM		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Không có SV thi

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Toán rời rạc (202116)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	05230001	MAI LƯƠNG XUÂN ANH	TC05BTDN		1	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	05230044	NGUYỄN LÊ MINH	TC05DTDN		2	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	DH07DTH		2	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 11 tháng 5 năm 2012

Chánh phòng

Hành

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vật lý QLĐĐ (902208)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng tr n cho điể m nguyên
1	08124175	TRẦN TRỌNG SƠN	DH08QLGL		1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08124186	NGUYỄN QUANG TÍN	DH08QLGL		2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08124192	PHAN TẤN TRƯỜNG	DH08QLGL		3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06224114	PHAN QUỐC VIỆT	TC06QLQ9		4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 05 tháng 05 năm 2020

(Signatures)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Vật lý 1 (202201)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	CHUNG	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	05212504	TRẦN THANH	CHUNG	TC05TYLA	<i>Chung</i>	0,0	1
2	06212213	PHAN VĂN	TÂM	TC06TY	<i>Phan Văn</i>	5,5	2
							3
							4
							5
							6
							7
							8
							9
							10
							11
							12
							13
							14
							15
							16
							17
							18
							19
							20
							21
							22
							23
							24
							25
							26
							27
							28
							29
							30
							31
							32

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 08 tháng 05 năm 2012

Trần Văn Chung *Phan Văn Tâm* *Nguyễn Văn Hùng*

Nguyễn Văn Hùng *Nguyễn Văn Hùng*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệm sinh 1 (902406)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	03212204	PHAN QUỐC ANH	TC03TYBD		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08213057	PHẠM THANH DŨNG	TC07LNCM		7,3	2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212083	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT		6,7	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT		4	4 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08213056	TRƯƠNG VĂN THƯỚC	TC07LNCM		4,0	5 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07212068	PHẠM VĂN TÌNH	TC07TY		8	6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày ... tháng ... năm ...

Phạm Ngọc Mai

Phạm Ngọc Mai

Phạm Ngọc Mai

Th.S. LÊ NGỌC THỌNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

23/15/12

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương (202402)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trỏ n cho điểm nguyên
1	09212007	LÊ CÔNG BÌNH	TC09TY		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09212018	TRẦN XUÂN HẬU	TC09TY		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09212028	NGUYỄN TẤN HÙNG	TC09TY		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09212029	NGUYỄN THANH HUY	TC09TY		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09212033	BÙI QUANG LIÊM	TC09TY		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08212071	PHẠM THANH LIÊM	TC08TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09212046	ĐINH NGỌC NGUYỄN	TC09TY		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09212051	TRẦN THANH PHONG	TC09TY		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08213144	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	TC08NHXX			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09212062	PHAN MẠNH TÂN	TC09TY		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09212063	TRẦN QUYẾT THẮNG	TC09TY			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09212071	VŨ TÍN	TC09TY		6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	08213167	MAI MINH TỰ	TC08NHXX			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	08213174	ĐIỀU THỊ YẾN	TC08NHXX			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày / / tháng ... năm 2012

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệm sinh thực (902404)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	03212013	NGÔ THỊ THÙY	BẠCH	TC03TY	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07212092	NGUYỄN THÀNH	DUY	TC07TY	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06212070	PHAN NGỌC	HUY	TC06TYCT	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06212083	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06212084	NGUYỄN TẤN	LỘC	TC06TYCT	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06212097	VÕ THỊ YẾN	NHI	TC06TYCT	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05212688	TRẦN NGUYỄN TÚ	UYÊN	TC05TYTG	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 15 tháng 12 năm 2012

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Thí nghiệm sinh động (902405)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06112168	SOMCHANH	BOUTTA	DH07TY	 7	1 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	07212007	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	TC07TY		2 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						3 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						4 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						5 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						6 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						7 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						8 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						9 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						10 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						11 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						12 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						13 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						14 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						15 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						16 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						17 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						18 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						19 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						20 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						21 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						22 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						23 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						24 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						25 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						26 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						27 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						28 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						29 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						30 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						31 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						32 ☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 03 năm 2012

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Thí nghiệm Sinh học độ ng vật (202405)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	09212019	LÊ HỮU HẠNH	TC09TY	<i>[Signature]</i>	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09212018	TRẦN XUÂN HẬU	TC09TY	<i>[Signature]</i>	7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09212028	NGUYỄN TẤN HÙNG	TC09TY	<i>[Signature]</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09212029	NGUYỄN THANH HUY	TC09TY	<i>[Signature]</i>	7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09212033	BÙI QUANG LIÊM	TC09TY	<i>[Signature]</i>	7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09212056	PHẠM DUY QUAN	TC09TY	<i>[Signature]</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09212062	PHAN MẠNH TÂN	TC09TY	<i>[Signature]</i>	8	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09212070	TRƯƠNG MINH TIẾN	TC09TY	<i>[Signature]</i>	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 03 năm 2012

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Đá nh giá đấ t đai (209302)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m vào ng tròn n cho điểm nguyên												
1	08224018	NGUYỄN XUÂN	ĐIỀN	TC08QL		5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
4						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
6						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
8						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
14						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
15						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
18						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
19						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
20						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
21						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
22						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
24						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
25						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
26						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32						V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Đ Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 05 tháng 05 năm 12

Ngày 18/12/2018

The King King

7/2
Nguyen Du

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Đá nh giá đấ t đai (909705)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	06224253	NGUYỄN THÚY AN	TC06QLCM	<i>Th. An</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06224271	CHU ĐÌNH DUY	TC06QLCM	<i>Chu Đình Duy</i>	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06224281	LÝ NGỌC GIANG	TC06QLCM	<i>Ly Ngoc Giang</i>	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06224280	NGUYỄN CHÍ GIÀU	TC06QLCM	<i>Nguyen Chi Giau</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224357	TÔ TUẤN KIẾT	TC06QLCM	<i>To Tuan Kiet</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06224314	TRỊNH HOÀNG PHONG	TC06QLCM	<i>Trinh Hoang Phong</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	05224395	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	TC05QLBX	<i>Nguyen Hong Phuong</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	06224340	LÊ CÔNG TỊNH	TC06QLCM	<i>Le Cong Tinh</i>	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	06224105	TRẦN THANH TUẤN	TC06QLQ9	<i>Tran Thanh Tuan</i>	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	06224243	VÕ THANH XUÂN	TC06QLBT	<i>Vo Thanh Xuan</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 10 Số tờ: 0070 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 05 tháng 05 năm 12

Nguyễn Đức Linh

Trần Đức Hùng

Nguyễn Duy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Bản đồ học (909310)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	06224502	LÊ VĂN BÌNH	TC06QL		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06224564	PHẠM NGUYỄN ANH	TC06QL		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06224530	NGUYỄN THỊ OANH	TC06QL		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 3 Số tờ: 3 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

9/5 12/15 7/15

Mã nhận dạng 00386

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp p 1 (908347)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223159	PHƯƠNG ĐUNG	TC07KE		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223643	HUỖNH VĂN HẢO	TC06KEVQ		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223172	MAI XUÂN HOC	TC07KE		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Mai
Ug le T nguyet

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp p 1 (908347)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07223159	PHƯƠNG DUNG	TC07KE	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223643	HUYNH VĂN HẢO	TC06KEVQ	<i>[Signature]</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07223172	MAI XUÂN HOC	TC07KE		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

[Signature]

[Signature]



Mã nhận dạng 00388

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Thăm đi nh giá (908350)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng tròn n cho điểm nh nguyên n												
1	08123294	NGUYỄN TRƯỜNG	LUÂN	DH08KEGL		1	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	08123315	HỒ SĨ	TÂN	DH08KEGL		2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						4	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						6	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						7	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						8	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						9	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						10	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						11	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						12	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						13	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						14	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						15	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						16	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						17	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						18	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						19	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						20	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						21	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						22	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						23	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						24	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						25	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						26	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						27	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						28	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						29	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						30	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						31	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
						32	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Nguyệt
Nguyễn Thị Nguyệt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Kinh tế lượng căn bản (208211)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	08222043	TRỊNH VĂN GIANG	TC08QTDD	<i>[Signature]</i>	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08222047	ĐẶNG HOÀNG HẢI	TC08QTDD		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08222172	NGUYỄN VĂN TRUNG	TC08QTDD		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 8 tháng 5 năm 2012

[Signature]

[Signature]

[Signature] Phạm Thị Huyền

Trần Nhật Lam Duyên

[Signature]



Mã nhận dạng 00403

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Marketing căn bản Q (908448)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH ĐẠT	QH08KEGL			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Bích Thủy
Thư Lê Thị Thuý

TS. ĐẶNG MINH PHƯƠNG

Hà Thị Thu Hoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Marketing căn bản (208453)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và ngược trở lại cho điểm nguyên
1	08222043	TRINH VĂN GIANG	TC09QT TD			1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2						2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Nguyễn Thị Bích Thủy
Lê Thị Thủy

TS. Đ. C. MINH PHƯƠNG
Đ. C. MINH PHƯƠNG

Hà Thị Thu Hoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Quả n trị sản xuất (208451)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô độ m và ng trò n cho điể m nguyên												
1	08222174	TRẦN VĂN	TUẤN	TC08QTTD														
					1	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					2	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					3	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					4	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					5	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					6	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					9	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					10	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					11	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					12	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					13	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					14	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					15	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					16	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					17	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					18	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					19	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					20	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					21	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					22	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					23	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					24	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					25	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					26	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					27	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					28	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					29	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					30	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					31	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
					32	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần N. Lam Duyên

Trần N. Lam Duyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Quản trị sản xuất (908451)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	06222249	NGUYỄN MINH MÃN	TC06QTDN			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần N. Lam Duyên
Lê Ngọc Việt

Trần N. Lam Duyên
Lê Ngọc Việt

không có SV Thi.

Mã nhận dạng 00382

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Nguyên lý thống kê kinh tế (908231)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ĐẠT	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ngo tròn cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH	ĐẠT	DH08KEGL			☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	06222317	LÊ ANH	TÚ	TC06QTDN			☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						3	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						4	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						5	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						6	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						7	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						8	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						9	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						10	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						11	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						12	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						13	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						14	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						15	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						16	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						17	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						18	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						19	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						20	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						21	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						22	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						23	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						24	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						25	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						26	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						27	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						28	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						29	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						30	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						31	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						32	☐ V ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....



Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Điểm thi học kỳ

R 31/5/12

Nhập môn tin học A (914101)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	08125303	LÊ ĐÌNH CĂN	DH08BQGL	L				Nợ HP
2	06224160	PHẠM XUÂN CHÂM	TC06QLBT	L				
3	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY	L				
4	06212254	PHẠM NGỌC CHƯƠNG	TC06TY	L	6	Sưu		103
5	06213124	TRẦN VĂN HÙNG	TC06NHNX	L	5	Năm		
6	07224234	VŨ TAM MẠNH	TC07QL	L	5	Năm		
7	03212072	LÊ PHƯỚC NĂNG	TC03TY	L	S.S	Năm rưỡi		102
8	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY	L				
9	03225040	HUỖNH THỊ YẾN	OANH / TC03TY	L	6	Sưu		101
10	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9	L				
11	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT	L				
12	06211132	NGUYỄN VĂN THIỆU	TC06CNNX	L	5	Năm		
13	08149273	PHAN PHÚC TÍN	DH08QMGL	L				
14	06213143	NGUYỄN THÁI VIỆT	TC06NHNX	L	5	Năm		

In Ngày 27/02/12

TP.HCM, Ngày 27 tháng 02 năm 2012

Cán bộ chấm thi

Lan Công Đạt

12/5- 8g- 1M2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Quả n trị mậ ng (214271)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07130014	TRẦN HOÀN	DIỆU	DH07DTM	—	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	07130056	LÊ QUANG	KHÁNH	DH07DTM	5.0	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06130157	VÕ CÔNG	LỰC	DH07DTM	—	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 14 tháng 5 năm 2012

[Signature]

[Signature]

Phạm Công Thiệu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31 / 5 / 12

Môn Học : ĐACN Mạ ng má y tí nh và TT (214287)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	DH07DTM	<i>[Signature]</i>	6,0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07130056	LÊ QUANG KHÁNH	DH07DTM	<i>[Signature]</i>	5,0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 17 tháng 5 năm 2012

[Signature]
Phạm Công Thiện

[Signature]

[Signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH	ĐÀO	TC08CNNX		1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08212071	PHẠM THANH	LIÊM	TC08TY		2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3						3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 11 năm 2012

Le Thị Hải Ngọc
phần chính bài phần

TS. Vũ Thị Lâm An

TS. Vũ Thị Lâm An

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

23/15/12

Môn Học : Vi sinh học đại cương (203516)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08211007	NGUYỄN THỊ HOA ANH	ĐÀO	TC08CNXX		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08212071	PHẠM THANH	LIÊM	TC08TY	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 05 tháng 05 năm 2012

TS. Vũ Thị Lâm An

TS. Vũ Thị Lâm An

ThS. Nguyễn Hữu Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/7/2012

Môn Học : Luậ t thú y (903305)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	07112009	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH07TY	<i>anh</i>	5	1
2	06212257	NGUYỄN HỮU CHÍ	TC06TY			2
3	06212157	VƯƠNG ĐÌNH DƯƠNG	TC06TY	<i>Uuu</i>	7	3
4	06212160	LIU GIÁC MỘC	TC06TY	<i>Giao</i>	5	4
5	06212169	HUỖNH HIỀN	TC06TY	<i>Uuu</i>	7	5
6	06212068	TRANG HƯƠNG	TC06TYCT	<i>Me</i>	5	6
7	07112122	NGUYỄN THỊ LÊ	DH07TY	<i>Thị Lê</i>	10	7
8	06212183	TRƯƠNG VĂN LÊ	TC06TY	<i>My len</i>	5	8
9	06212186	NGUYỄN THANH LONG	TC06TY	<i>Thanh</i>	9	9
10	06212187	NGUYỄN VĂN LONG	TC06TY	<i>Long</i>	5	10
11	06212188	LÊ HOÀNG LỘC	TC06TY	<i>Long</i>	9	11
12	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	<i>Long</i>	6	12
13	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT	<i>Long</i>	2	13
14	06212196	BÙI THÀNH NGOAN	TC06TY	<i>Thanh</i>	5	14
15	05212330	LÊ THỊ THANH NHIÊN	TC06TY	<i>Thanh</i>	5	15
16	06212212	LÊ ANH TÂM	TC06TY	<i>Thanh</i>	7	16
17	06212227	LÊ THỊ THÙY TRANG	TC06TY	<i>Thanh</i>	2	17
18	02212264	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	TC02TY			18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 16 Số tờ: 16 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 03 tháng 5 năm 2012

Thị Lê Thị Minh Bích

Thị Nguyễn Thị Thu Năm Trang

Trần Huy Tâm

TS. Nguyễn Tất Toàn

24/14 10645 TVSC

Mã nhận dạng 00393

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 11/7/2012

Môn Học : Thuế (908370)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH	ĐẠT	DH08KEGL	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08123330	ĐOÀN TIẾN	TOÀN	DH08KEGL	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	07223136	TRẦN THỊ NHƯ	VŨ	TC07KETD	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 1 Số tờ: TN Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

như N.T. Hà Vy

Uk, lo, Nguyenet

Trưởng T. Kim Thủy
Tài Công Lián



Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Điểm thi học kỳ

Rice/5/12

Chế biến và BQ súc sản (903304)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	05212712	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	TC05TYTN	L	3	Ba	mylinh
2	05212718	VÕ TRỌNG	ĐIỀN	TC05TYTN	L	3	Ba	Chau
3	05212766	NGUYỄN NỮ NGỌC	QUANG	TC05TYTN	L	5	Năm	Nguyễn Thị Ngọc
4	05212777	ĐINH CHÍ	THANH	TC05TYTN	L	5	Năm	Chau
5	05212779	TRẦN THỊ THANH	THẢO	TC05TYTN	L	5	Năm	Chau

Tổng số sinh viên dự thi: 04 Số bài thi: 04 Số tờ: 04 Kỳ thi ngày 16 Tháng 04 Năm 2012

Số sinh viên đạt: 02; Không đạt: 02

Cán Bộ Coi Thi 1 Nguyễn Văn Văn Cán Bộ Coi Thi 2 Đường Tiểu Mai

Xác nhận của Bộ Môn Thư Cán Bộ Chấm Thi 1 Thư Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

ĐỖ-V-THU'

Nguyễn Ngọc Mai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 22/5/12

Môn Học : Business English 1 (213701)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	07228009	ĐÀO THỊ KIM CÚC	TC07AV			1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	07228027	NGUYỄN THỊ BẠCH LÊ	TC07AV	<i>nguy</i>	4.0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 7...tháng 5... năm 2012

1) Ông T. Văn An *T. Văn An* *Phan Lan Hương* *Nguyễn Việt Tân*

2) Ông Phan Văn An *Phan Văn An*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (908110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07222025	VŨ QUỐC ĐẠT	TC07QTTD			1 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
2	07224217	NGUYỄN MINH HẢI	TC07QL		5	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
3	07224236	BÙI VƯƠNG GIANG	NAM	TC07QL	5	3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
4	07222090	NGUYỄN VĂN QUAN	TC07QTTD			4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
5	07223100	TRẦN THỊ THU THẢO	TC07KETD			5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
6	06224091	NGUYỄN ĐỨC THỦ	TC06QLQ9			6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
7	07222126	BÙI THIÊN THUẬT	TC07QTTD			7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
8	07222135	HỨA THỊ MINH TIẾN	TC07QTTD			8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
9	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD			9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
10						10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
11						11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
12						12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
13						13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
14						14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
15						15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
16						16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
17						17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
18						18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
19						19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
20						20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
21						21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
22						22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
23						23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
24						24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
25						25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
26						26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
27						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
28						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
29						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
30						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
31						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐
32						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10 ☐

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 11 năm 2022

Trần Anh Hòa

Trần Anh Hòa



Mã nhận dạng 00270

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R31/5/12

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL			1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL			2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐÔ	TC08QL			3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL			4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL			5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL			6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL			7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL			8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08222106	VÕ THỊ HỒNG MAI	TC08QTTD			9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	08222109	LÊ MINH	TC08QTTD			10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL			11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL			12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 4 năm 12

Thái Anh Hòa

Trần Hữu Nam

Thái Anh Hòa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Kinh tế vĩ mô 1 (908110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trở n cho điểm nguyên
1	07222025	VŨ QUỐC ĐẠT	TC07QTTD		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	07224217	NGUYỄN MINH HẢI	TC07QL		2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	07224236	BÙI VƯƠNG GIANG NAM	TC07QL		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	07222090	NGUYỄN VĂN QUAN	TC07QTTD		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	07223100	TRẦN THỊ THU THẢO	TC07KETD		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06224091	NGUYỄN ĐỨC THỦ	TC06QL09		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	07222126	BÙI THIÊN THUẬT	TC07QTTD		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	07222135	HỨA THỊ MINH TIẾN	TC07QTTD		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	07223136	TRẦN THỊ NHƯ VŨ	TC07KETD		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
					32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Không có sinh viên

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 26 tháng 4 năm 12

Đã từ: ☐ Cán bộ coi thi 1&2 ☐ D

Trần Huy Tâm

Neggen Open land

Trang 1/

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và bảng tròn cho điểm nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐÓ	TC08QL		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL		4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL		6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL		7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08222106	VÕ THỊ HỒNG MAI	TC08QTTD	<i>Thị Hồng</i>	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08222109	LÊ MINH	TC08QTTD		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL		11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Ngày 26 tháng 4 năm 2012

Mein eigen Lied

The 6th March 1899

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học :

Kinh tế vĩ mô 1 (908110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	ĐẠT	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trò n cho điểm nguyên
13	07222025	VŨ QUỐC	ĐẠT	TC07QTDD	<i>[Signature]</i>	Sáu 1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	07224217	NGUYỄN MINH	HÀI	TC07QL		0 2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	07224236	BÙI VƯƠNG GIANG	NAM	TC07QL		0 3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	07222090	NGUYỄN VĂN	QUAN	TC07QTDD	<i>[Signature]</i>	Sáu 4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	07223100	TRẦN THỊ THU	THẢO	TC07KETD	<i>[Signature]</i>	Sáu 5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	06224091	NGUYỄN ĐỨC	THỦ	TC06QLQ9	<i>[Signature]</i>	Năm 6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	07222126	BÙI THIÊN	THUẬT	TC07QTDD	<i>[Signature]</i>	Sáu 7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	07222135	HỨA THỊ MINH	TIẾN	TC07QTDD	<i>[Signature]</i>	Sáu 8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	07223136	TRẦN THỊ NHƯ	VŨ	TC07KETD	<i>[Signature]</i>	Năm 9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: *[Signature]* Số tờ: *[Signature]* Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 4 năm 12

[Signature] *[Signature]*

[Signature] *[Signature]*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ độ m và ng trờ n cho điể m nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐÔ	TC08QL		Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL		Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL		Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08222106	VÕ THỊ HỒNG MAI	TC08QTTD			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08222109	LÊ MINH	TC08QTTD		Sáu	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL		Năm	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1/ Số tờ: 1/ Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 5 năm 12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07224217	NGUYỄN MINH HÀI	TC07QL			1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08124140	VÕ QUỐC HÀI	DH08QLGL			2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06224519	PHAN THỊ THANH HÒA	TC06QL	<i>Phan</i>	Năm	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG OANH	TC07KETD			4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9	<i>Trần</i>	Sân	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN	<i>Lê</i>	Năm	6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9			7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07223139	VÕ THỊ HÀI YẾN	TC07KETD	<i>Võ</i>	Năm	8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4 Số tờ: 4 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Trần Thị Thanh Huệ

Trần Thị Thanh Huệ

Trần Thị Thanh Huệ

Trần Thị Thanh Huệ



Mã nhận dạng 00269

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 34/5/22

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (208109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm m	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL		Năm 1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL		Năm 2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐÓ	TC08QL		Năm 3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL		Năm 4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08224026	HUỖNH LÊ HÒA	TC08QL		Năm 5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL		Sau 6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL		Năm 7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL		Sau 8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL		Năm 9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL		Sau 10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL		Sau 11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08224041	NGUYỄN TẤN PHÁT	TC08QL		Sau 12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	08224067	KIM NGUYỄN XUÂN VŨ	TC08QL		Sau 13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	08224069	NGUYỄN VĂN XINH	TC08QL		Sau 14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 13 Số tờ: 13 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 04 năm 2022

Thư LÊ.T. 04. Trúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07224217	NGUYỄN MINH HẢI	TC07QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	06224519	PHAN THỊ THANH HÒA	TC06QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG OANH	TC07KETD		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	07223139	VÕ THỊ HẢI YẾN	TC07KETD			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Trần Minh Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (208109)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐỖ	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	08224026	HUỖNH LÊ HÒA	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	08224041	NGUYỄN TẤN PHÁT	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	08224067	KIM NGUYỄN XUÂN VŨ	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	08224069	NGUYỄN VĂN XINH	TC08QL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: Số tờ: Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trường Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R 31/5/12

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (908109)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07224217	NGUYỄN MINH HẢI	TC07QL		5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
2	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QLGL			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	06224519	PHAN THỊ THANH HÒA	TC06QL			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	07223076	ĐỖ THỊ HOÀNG OANH	TC07KETD			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	06224118	TRẦN THANH SANG	TC06QLQ9			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	06222317	LÊ ANH TÚ	TC06QTDN			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	06224113	ĐỖ QUỐC VÂN	TC06QLQ9			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	07223139	VÕ THỊ HẢI YẾN	TC07KETD			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
21						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
22						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
23						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
24						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
25						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
26						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
27						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
28						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
29						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
30						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
31						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
32						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 21 tháng 4 năm 2012

TS. ĐẶNG MINH PHƯƠNG

Phạm Thị Nhiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (208109)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	08224012	LÊ QUỐC DƯƠNG	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08224018	NGUYỄN XUÂN ĐIỀN	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08224017	TRẦN QUỐC ĐỒ	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08224022	NGUYỄN VĂN HẬU	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	08224026	HUỖNH LÊ HÒA	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	08224020	NGUYỄN TIẾN HƯƠNG	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08224030	ĐẶNG HOÀNG LÂM	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	08224038	NGUYỄN QUANG NHÂN	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	08224039	PHẠM TRUNG NHÂN	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	08224041	NGUYỄN TẤN PHÁT	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	08224067	KIM NGUYỄN XUÂN VŨ	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	08224069	NGUYỄN VĂN XINH	TC08QL			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài : 0 bài
Không có bài thi trong danh
sách này

15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 5 năm 12

TS. ĐẶNG MINH PHƯƠNG

Phạm Thị Nhàn

1115 2R PV325

Mã nhận dạng 00383

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

11/11/12

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán (908327)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	07155005	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	DH07KN	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223556	VÕ DUY	PHƯƠNG	TC06KE		2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phạm Thị Huyền

Hương Anh Thư

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán (908327)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và học trò n cho điểm nguyên
1	07155005	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	DM07KN		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06223556	VÕ DUY PHƯƠNG	TC06KE		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 (M)

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 5

năm 2012

Nguyễn Thị Mai
Lê Lê Nguyệt

Trang Thanh Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Nguyên lý kế toán (908343)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ô trống cho điểm nguyên
1	08123262	CÙ MINH	ĐẠT	ĐH08KEGI	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2					2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3					3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4					4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5					5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6					6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7					7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8					8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9					9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10					10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11					11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12					12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13					13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14					14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15					15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16					16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17					17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18					18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19					19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20					20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21					21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22					22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23					23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24					24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25					25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26					26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 0 Số tờ: 0 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 04 năm 2012

Phạm Thu Hằng
Nguyễn Thị Lệ Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Ro16/12

Môn Học : Pháp luật đại cương (202622)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	07213001	GIẢNG MINH AN	TC07NH			1 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
2	08222210	LÊ TRUNG CHÁNH	TC08QTDN	<i>Chánh</i>	7	2 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
3	08213006	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	TC08NH			3 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
4	08222223	PHẠM BÀ ĐÌNH	TC08QTDN	<i>Đình</i>	8	4 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
5	08224017	TRẦN QUỐC ĐỒ	TC08QL			5 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
6	08213013	TẠ TRƯỞNG TẤN	TC08NH			6 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
7	08224023	LÂM SƠN HƯNG	TC08QL			7 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
8	08224032	NGUYỄN VĂN LONG	TC08QL			8 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
9	08222251	TRẦN THỊ ÁNH	TC08QTDN	<i>Ánh</i>	6	9 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
10	08223224	LÊ THỊ SAO	TC08KE			10 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
11	07113176	ĐẶNG HUỖNH MINH SƠN	DH07NHA			11 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
12	07213036	PHẠM LƯƠNG THIÊN	TC07NH			12 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
13	08213039	LÊ TRỌNG	TC08NH			13 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
14	08222281	NGUYỄN MỸ THANH	TC08QTDN	<i>Thanh</i>	7	14 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
15						15 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
16						16 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
17						17 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
18						18 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
19						19 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
20						20 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
21						21 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
22						22 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
23						23 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
24						24 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
25						25 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
26						26 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
27						27 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
28						28 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
29						29 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
30						30 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
31						31 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
32						32 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

R01/6/12

Môn Học : Thuốc & hoá chất trong nuôi TS (206310)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và ng tròn cho điểm nguyên
1	05241035	MAI VĂN TIẾN	TC05NVKT		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	05241041	NGUYỄN VĂN TRUNG	TC05NYBT	<i>Trung</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 9...tháng 5... năm 2012

Nguyễn Đình Lâm

Nguyễn Như Trứ

Nguyễn Như Trứ

Nguyễn Ngọc Thiên Kim

Nguyễn Như Trứ

Nguyễn Như Trứ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Môn Học : Phương pháp thí nghiệm 1 (204614)

ROA/BML

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	08213114	LÊ XUÂN HẢI	TC08NHNX		1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	08213013	TẠ TRƯỞNG TẤN	TC08NH	Hiệp	4	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	08213116	BÙI TRỌNG	TC08NHNX		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	08213119	TRẦN THỊ NGỌC	TC08NHNX		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	06213016	NGUYỄN THÁI	TC06NHCC		5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06213229	PHƯƠNG THANH	TC06NHCC		6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	06213231	DƯƠNG VĨNH	TC06NHCC		7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	08213145	NGUYỄN QUỐC	TC08NHNX		8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	08213146	PHẠM QUANG	TC08NHNX		9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	08213153	THÁI BÌNH	TC08NHNX		10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	08213154	HOÀNG MINH	TC08NHNX		11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	08213038	NGUYỄN TRUNG	TC08NH	Trần	6	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 2 Số tờ: 2 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 4 năm 2012

Trần Văn Mỹ

Trần Văn Mỹ

Trần Văn Mỹ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

2011/6/12

Môn Học :

Phương pháp thí nghiệm 2 (204612)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào ng tròn cho điểm nguyên
1	08213013	TẠ TRƯỜNG TẤN HIỆP	TC08NH	Hiệp	8	1
2	08213030	PHẠM THỊ THẢO	TC08NH	Thảo	10	2
3						3
4						4
5						5
6						6
7						7
8						8
9						9
10						10
11						11
12						12
13						13
14						14
15						15
16						16
17						17
18						18
19						19
20						20
21						21
22						22
23						23
24						24
25						25
26						26
27						27
28						28
29						29
30						30
31						31
32						32

Số bài: 2

Số tờ: 2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 5 năm 2012

Trần Hữu Thành

Trần Văn Mỹ

Trần Văn Mỹ

Trần Hữu Thành

Trần Văn Mỹ

Trần Văn Mỹ



Mã nhận dạng 00407

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Ro1/6/12

Môn Học : Trắc nghiệm địa lý cường 2 (909202)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổng điểm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	04224024	VŨ DƯƠNG HẢI	TC04QL		1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06119021	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	CD08CQ		5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 1 Số tờ: 1 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 05 năm 2012

Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên

Cao Anh Hiệp

Phạm Hồng Sơn

8/5 đh n/l



Mã nhận dạng 00399

Trang 1/

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

RG1/6/12

Môn Học : Kinh doanh quốc tế (908427)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm và vòng tròn cho điểm nguyên
1	05222086	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	TC05QTĐ		7	1
				(bảy)	2	2
					3	3
					4	4
					5	5
					6	6
					7	7
					8	8
					9	9
					10	10
					11	11
					12	12
					13	13
					14	14
					15	15
					16	16
					17	17
					18	18
					19	19
					20	20
					21	21
					22	22
					23	23
					24	24
					25	25
					26	26
					27	27
					28	28
					29	29
					30	30
					31	31
					32	32

Số bài: 01 Số tờ: 01 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngàytháng năm.....

Phan Thanh Bình

Nguyễn Thị Minh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

Ro 1/6/12

Môn Học : Bộ nh truyề n nhiễ m trầ u bò (903520)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm vào vòng tròn cho điểm nguyên
1	05112020	VÕ CHÍ HIỀN	DH05TY	✓	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	06212084	NGUYỄN TẤN LỘC	TC06TYCT	Nguyễn Tấn Lộc	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	06212089	NGUYỄN CÔNG LÝ	TC06TYCT	Nguyễn Công Lý	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	04212682	TRƯƠNG ANH PHONG	TC04TYVL	Trương Anh Phong	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	07142060	PHẠM HỒNG PHÚC	DH07DY	✓	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	06212108	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	TC06TYCT	✓	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	07112253	NGUYỄN THỊ HOÀNG TRANG	DH07TY	Nguyễn Thị Hoàng Trang	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	07112264	HỒ NGỌC TRÂM	DH07TY	Hồ Ngọc Trâm	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	06212112	ĐÀO MINH TRÍ	TC06TYCT	Đào Minh Trí	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Số bài: 5 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 22 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Ngọc Thanh Kim

Nguyễn Ngọc Hải

Nguyễn Ngọc Hải

Đang Văn Khoa

Nguyễn Ngọc Hải

Lê Anh Phụng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

RG 1/6/12

Môn Học : Dị ch tế (903503)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tô đậm m và ng tròn n cho điểm nguyên
1	04212219	NGUYỄN VŨ THANH HIỀN	TC04TYBP	<i>HN</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06212197	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	TC06TY	<i>HN</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	05212339	HUYỀN CÔNG TOẠI	TC05TYBD			3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 02 Số tờ: 02 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 09 tháng 5 năm 2012

Phạm Bình Ngọc Thủy
Phạm Bình Ngọc Thủy

Ngô Ngọc Hoa
Ngô Ngọc Hoa

C Lê Anh Phụng
C Lê Anh Phụng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC LẠI/HỌC VƯỢT

Học kỳ 2 - Năm học 11-12
ĐIỂM THI HỌC KỲ

2011/6/12

Môn Học : Quản lý nguồn nước (909507)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Lớp	Ký tên	Điểm	Tổ đề m và ng trỏ n cho điểm nguyên
1	08124140	VÕ QUỐC HẢI	DH08QGL			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	06224519	PHAN THỊ THANH HÒA	TC06QL	B	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	07224051	HUỖNH TẤN NGHĨA	TC07QLBN		3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	06224530	NGUYỄN THỊ OANH	TC06QL	Acam R	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	06224568	BÙI VŨ PHONG	TC06QL	Phg	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	07224078	NGUYỄN VĂN TIẾN	TC07QLBN	VF	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	07224095	LÊ HOÀNG VŨ	TC07QLBN	ngk	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 5 Số tờ: 5 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 28 tháng 5 năm 2012

Thủy Thanh Hiền
Cán! Ông Dũng
Phu Văn Tiến
Trần Văn Mỹ